

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo
của Trường Đại học Thương mại

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ ban hành Quy chế tự chủ Tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại; Nghị quyết số 60/NQ-HĐT ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc thông qua Quy định phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Thương mại;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo và Trưởng phòng Quản lý Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Thương mại.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các đơn vị: Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Quản lý Sau đại học; Khoa, Viện quản lý ngành/chuyên ngành đào tạo; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Giáo dục, Thư viện; Phòng Pháp chế - Thanh tra và các đơn vị, cá nhân liên quan trong và ngoài Trường Đại học Thương mại chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THƯƠNG MẠI

PGS, TS Nguyễn Hoàng

Nơi nhận:

- Hội đồng trường (để giám sát);
- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, QLĐT, QLSDH.

QUY ĐỊNH PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2293/QĐ-DHTM ngày 16 tháng 12 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc phát triển chương trình đào tạo (CTĐT) của Trường Đại học Thương mại (sau đây gọi tắt là Trường), bao gồm: điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành và định chỉ hoạt động của ngành đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; đánh giá và cải tiến, thẩm định và ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; trách nhiệm tổ chức thực hiện, chế độ báo cáo, lưu trữ và công khai thông tin đối với ngành đào tạo và CTĐT.

2. Văn bản này áp dụng đối với Phòng Quản lý đào tạo (QLĐT), Phòng Quản lý Sau đại học (QLSDH); các Khoa, Viện quản lý ngành/chuyên ngành đào tạo (sau đây gọi tắt là đơn vị đào tạo); các đơn vị, cá nhân có liên quan đến phát triển các CTĐT của Trường (không bao gồm các CTĐT do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng tốt nghiệp, bao gồm cả chương trình liên kết với nước ngoài theo quy định về hợp tác, đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục).

3. Các CTĐT thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 36 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018) phải đáp ứng các quy định tại văn bản này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Danh mục thống kê ngành đào tạo* là Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV đối với các trình độ của giáo dục đại học, do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành.

2. *Ngành đào tạo* là tập hợp kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, được thống kê, phân loại trong Danh mục thống kê ngành đào tạo.

3. *Nhóm ngành đào tạo* là tập hợp một số ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn, trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, được thống kê, phân loại trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. *Lĩnh vực đào tạo* là tập hợp các nhóm ngành đào tạo có những đặc điểm chung

về kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ được thống kê, phân loại trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp II thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

5. *Mã ngành đào tạo* gồm 7 chữ số, trong đó chữ số đầu tiên thể hiện mã trình độ đào tạo (mã cấp I), hai cặp chữ số tiếp theo thể hiện mã lĩnh vực đào tạo (mã cấp II) và mã nhóm ngành đào tạo (mã cấp III), hai chữ số cuối thể hiện mã ngành đào tạo trong nhóm ngành (mã cấp IV).

6. *Ngành phù hợp:*

a) Ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ đối với một ngành đào tạo dự kiến mở ở trình độ đại học/thạc sĩ là ngành có cùng tên và cùng 6 chữ số cuối của mã ngành theo Danh mục thống kê ngành đào tạo; trường hợp ngành đó chưa được đào tạo trong nước ở trình độ tiến sĩ hoặc chưa có nhiều người tốt nghiệp thì ngành phù hợp là ngành có nội dung kiến thức chuyên môn gần nhất và thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo ở trình độ đại học/thạc sĩ.

b) Ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ đối với một ngành dự kiến mở ở trình độ tiến sĩ là ngành dự kiến mở; trường hợp ngành dự kiến mở chưa được đào tạo trong nước hoặc chưa có nhiều người tốt nghiệp, ngành phù hợp là ngành có nội dung kiến thức chuyên môn gần nhất và thuộc cùng nhóm ngành với ngành dự kiến mở.

7. *Chuyên ngành đào tạo* là phân nhánh của một ngành đào tạo. Một ngành đào tạo có thể gồm nhiều chuyên ngành. Một chuyên ngành có thể gồm nhiều CTĐT. Chuyên ngành đào tạo cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn sâu trong một ngành, phù hợp với yêu cầu của kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội.

8. *Quy trình đào tạo* bao gồm xây dựng và áp dụng chuẩn đầu ra, CTĐT, phương pháp giảng dạy và học tập (kể cả nghiên cứu khoa học (NCKH)), thực thi CTĐT, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, tuyển sinh và cấp bằng tốt nghiệp.

9. *CDIO* (Conceive – hình thành ý tưởng; Design – thiết kế ý tưởng; Implement – thực hiện; Operate – vận hành) là một giải pháp tổng thể cho toàn bộ quá trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, bao gồm việc xây dựng chuẩn đầu ra, thiết kế CTĐT, triển khai CTĐT và đánh giá chất lượng để cải tiến chất lượng.

10. *CTĐT và phát triển CTĐT:*

a) CTĐT là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. CTĐT bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Mỗi CTĐT được xác định thuộc

chuyên ngành, ngành đào tạo cụ thể.

b) Phát triển CTĐT là việc xây dựng và cải tiến chất lượng CTĐT. Trong đó, xây dựng CTĐT gồm hai hình thức là xây dựng CTĐT trong ngành đào tạo mới hoặc xây dựng CTĐT mới trong ngành đào tạo hiện có; cải tiến chất lượng CTĐT là việc sửa đổi, bổ sung CTĐT hiện có.

11. *Chuẩn CTĐT:*

a) Chuẩn CTĐT của một trình độ giáo dục đại học là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả CTĐT của các ngành (các nhóm ngành, lĩnh vực) ở trình độ đó; bao gồm yêu cầu về mục tiêu, chuẩn đầu ra (hay yêu cầu đầu ra), chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào, khối lượng học tập tối thiểu, cấu trúc và nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện chương trình để bảo đảm chất lượng đào tạo).

b) Chuẩn CTĐT của một ngành (hoặc của một nhóm ngành, một lĩnh vực) ở một trình độ là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả CTĐT của ngành đó (hoặc nhóm ngành, lĩnh vực đó), phù hợp với chuẩn CTĐT trình độ tương ứng.

12. *Chuẩn đầu ra* là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một CTĐT, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

13. *Chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào) của một CTĐT* là những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm mà người học cần có để theo học CTĐT.

14. *CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7* là CTĐT của một số ngành chuyên sâu đặc thù theo quy định của Chính phủ với yêu cầu người tốt nghiệp đạt trình độ tương ứng bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; *CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 8* là CTĐT của một số ngành chuyên sâu đặc thù theo quy định của Chính phủ với yêu cầu người tốt nghiệp đạt trình độ tương ứng bậc 8 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

15. *CTĐT định hướng nghiên cứu* có mục tiêu và nội dung theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ.

16. *CTĐT định hướng ứng dụng* có mục tiêu và nội dung theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.

17. *CTĐT định hướng nghề nghiệp* có mục tiêu và nội dung theo hướng trang bị những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu, phát triển năng lực làm việc gắn với một nhóm chức danh nghề nghiệp cụ thể.

18. *Học phần* là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ

năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong CTĐT. Một học phần thông thường được tổ chức giảng dạy, học tập trong một học kỳ.

19. *Thành phần của một CTĐT* là một nhóm học phần và các hoạt động học tập, nghiên cứu khác có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò rõ nét trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của CTĐT. Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của CTĐT (như giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, NCKH, và các thành phần khác).

20. *Giảng viên toàn thời gian trong mở ngành đào tạo* bao gồm giảng viên cơ hữa (GVCH) và giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên đang làm việc toàn thời gian tại Trường (sau đây gọi chung là giảng viên toàn thời gian), cụ thể như sau:

a) GVCH được xác định theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 ngày 12 tháng 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

b) Giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên, làm việc toàn thời gian tại Trường theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT quy định về chế độ làm việc của giảng viên đại học trong cả năm học tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mở ngành, đồng thời không ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 03 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác.

21. *Giảng viên thỉnh giảng (GVTG) trong mở ngành đào tạo* là người không thuộc diện theo quy định tại khoản 20 Điều này nhưng có ký hợp đồng thỉnh giảng với Trường theo quy định của pháp luật, giảng dạy theo kế hoạch được phân công tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mở ngành, được Trường trả lương, thù lao theo hợp đồng thỉnh giảng với Trường.

22. *Giảng viên có chuyên môn phù hợp để giảng dạy CTĐT* là giảng viên được đào tạo ở trình độ và ngành có kiến thức chuyên môn phù hợp để giảng dạy các học phần trong CTĐT của ngành dự kiến mở; đồng thời đã có kinh nghiệm giảng dạy đại học tối thiểu từ 02 năm trở lên đối với các học phần tương ứng trong CTĐT của ngành dự kiến mở hoặc đã có các công trình khoa học liên quan đến nội dung được dự kiến phân công giảng dạy được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

Riêng đối với các CTĐT trình độ đại học, chuyên gia thực tế giảng dạy các học phần thực tập tại doanh nghiệp, hoặc học phần thực hành, giờ thực hành, báo cáo thực tế tại Trường có trình độ thạc sĩ trở lên hoặc trình độ cử nhân có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm trong cùng lĩnh vực công tác; đối với các CTĐT trình độ thạc sĩ, chuyên gia

thực tế giảng dạy các học phần chuyên đề thực tế có trình độ thạc sĩ trở lên và có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn cùng ngành đào tạo.

Điều 3. Mục tiêu phát triển chương trình đào tạo

1. Phát triển các CTĐT thuộc các ngành, chuyên ngành đào tạo mới để thực hiện sứ mệnh của một trường đại học đa ngành;
2. Phát triển các CTĐT mới nhằm phát huy các ngành đào tạo thế mạnh của Trường;
3. Hoàn thiện và chuẩn hóa các CTĐT nhằm đáp ứng các yêu cầu về kiểm định chất lượng giáo dục đại học Việt Nam; tiếp cận với các CTĐT theo chuẩn khu vực và quốc tế;
4. Phát triển CTĐT theo tiếp cận CDIO nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, giúp người học đáp ứng yêu cầu của thực tế và thích ứng tốt với môi trường làm việc luôn thay đổi.

Điều 4. Nguyên tắc phát triển chương trình đào tạo

1. Tuân thủ đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT; phù hợp với định hướng chiến lược phát triển và thống nhất với các quy định hiện hành của Trường;
2. Đảm bảo tính khoa học, hệ thống và tính kế thừa của các CTĐT hiện hành;
3. Đảm bảo phát huy tối đa các nguồn lực hiện có của Trường.

Chương II

ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Điều 5. Điều kiện chung

Khi mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ hoặc trình độ tiến sĩ, Trường phải đáp ứng điều kiện chung bao gồm:

1. Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở:
 - a) Phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo bảo đảm hội nhập quốc tế; bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt và công bố của các bộ, ngành, địa phương hoặc báo cáo chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có), phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Trường;
 - b) Có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo (trừ trường hợp có quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ); việc đề xuất bổ sung ngành mới vào Danh mục thống kê ngành đào tạo thực hiện theo Thông tư quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

2. Về đội ngũ giảng viên:

a) Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện CTĐT (bao gồm giảng viên toàn thời gian và GVTG), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn CTĐT của trình độ đào tạo, lĩnh vực, nhóm ngành và ngành đào tạo, trong đó GVTG (tính theo từng năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong CTĐT;

b) Riêng đối với các ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài (theo quy định tại Danh mục thông kê ngành đào tạo) thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này và quy định: Giảng viên có danh hiệu là Nhà giáo Nhân dân do Nhà nước trao tặng, đồng thời có bằng thạc sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở có thể thay cho giảng viên có bằng tiến sĩ và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy CTĐT (đối với mở ngành đào tạo trình độ đại học); hoặc đồng thời có bằng tiến sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở có thể thay cho giảng viên có chức danh phó giáo sư và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy CTĐT.

3. Về cơ sở vật chất:

a) Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn CTĐT của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và các điều kiện khác tại Quy định này;

b) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, QLĐT cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, NCKH theo yêu cầu của CTĐT, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo và phải có kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với số lượng sinh viên thực hành, thí nghiệm tại mỗi bàn và mỗi thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của CTĐT cho từng năm học của khóa học;

c) Có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài Trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, NCKH cho toàn khóa học;

d) Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học; có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo; từ năm học 2023 - 2024 trở đi, yêu cầu bắt buộc Trường phải có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và

trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo;

đ) Có website đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ GD&ĐT, của Trường và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

4. CTĐT của ngành đề xuất mở được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định tại Chương 5 của Quy định này, đáp ứng chuẩn CTĐT của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

5. Trường đã có đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

6. Trường phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, của Trường để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.

7. Hội đồng trường (HĐT) đã có nghị quyết thông qua chủ trương mở ngành đào tạo.

Điều 6. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học

Khi mở ngành đào tạo trình độ đại học, Trường phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành đào tạo theo quy định tại Điều 5 Quy định này và các điều kiện cụ thể sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

1. Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là GVCH, không trùng với GVCH là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác (trường hợp ngành đào tạo dự kiến mở là ngành ghép bởi các ngành học từ các nhóm ngành khác nhau, hoặc ngành đào tạo mang tính liên ngành được sắp xếp đồng thời vào một số nhóm ngành khác nhau, yêu cầu mỗi ngành được ghép phải có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là GVCH), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT.

2. Có ít nhất 05 tiến sĩ là GVCH có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình (tính cả tiến sĩ ngành phù hợp quy định tại khoản 1 Điều này), trong đó mỗi thành phần của CTĐT phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy. Riêng đối với các ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), phải bảo đảm tối thiểu có 03 tiến sĩ là GVCH có chuyên môn phù hợp.

3. Có đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quy định này) bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của CTĐT và bảo đảm mỗi học phần của CTĐT phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm, bảo đảm tỉ lệ sinh viên trên giảng viên theo quy định; có kế hoạch, phương án tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ

3 chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện CTĐT cho từng năm học của khóa học. Riêng đối với lĩnh vực Pháp luật (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về đội ngũ giảng viên để thực hiện CTĐT (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quy định này) cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

4. Riêng đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này và có tối thiểu 03 tiến sĩ với ngành học thuộc lĩnh vực Pháp luật.

5. Điều kiện về cơ sở vật chất theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Quy định này phải bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của CTĐT, và phải có kế hoạch, phương án đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3, chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất theo yêu cầu của CTĐT cho từng năm học của khóa học. Riêng đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Quy định này) cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

6. Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều này và bảo đảm có phòng dien án, trung tâm thực hành (tư vấn) pháp luật.

Điều 7. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

Khi mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, Trường phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành theo quy định tại Điều 5 Quy định này và các điều kiện sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

1. Có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là GVCH (các ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài phải có ít nhất 03 tiến sĩ ngành phù hợp là GVCH), trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (không trùng với GVCH là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành khác), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT.

2. Bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện CTĐT, trong đó có GVCH với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần trong CTĐT.

3. Bảo đảm về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn luận văn theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ GD&ĐT và của Trường.

4. Đã đào tạo và cấp bằng trình độ đại học ngành tương ứng, hoặc ngành phù hợp trong trường hợp ngành đào tạo ở trình độ đại học chưa có trong Danh mục thống kê

ngành đào tạo.

5. Trường không đáp ứng được điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này phải thuyết minh sự đáp ứng vượt trội về các điều kiện khác so với quy định tại Quy định này và so với các Trường trong nước, bao gồm: đội ngũ giảng viên (số lượng, trình độ, uy tín chuyên môn); cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu; năng lực và kết quả NCKH; hợp tác quốc tế; số ngành đào tạo và số người học đã được cấp bằng tốt nghiệp thạc sĩ của Trường; ngành đào tạo dự kiến mở thuộc lĩnh vực ưu tiên hoặc có nhu cầu cấp thiết đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bộ GD&ĐT xác minh, kiểm tra thực tế và xem xét, quyết định mở ngành trong trường hợp này.

Điều 8. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ

Khi mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, Trường phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành theo quy định tại Điều 5 Quy định này và các điều kiện sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

1. Có ít nhất 01 giáo sư hoặc 02 phó giáo sư và 03 tiến sĩ ngành phù hợp là GVCH (các ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài phải có ít nhất 01 giáo sư hoặc 01 phó giáo sư và 02 tiến sĩ ngành phù hợp là GVCH), trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (không trùng với GVCH là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của các ngành khác), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT.

2. Bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện CTĐT, giảng viên tham gia giảng dạy phải bảo đảm tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ GD&ĐT để giảng dạy các nội dung trong CTĐT, trong đó phải có GVCH với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần trong CTĐT.

3. Bảo đảm về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ GD&ĐT.

4. Đã đào tạo và cấp bằng trình độ thạc sĩ ngành tương ứng, hoặc ngành phù hợp trong trường hợp ngành đào tạo ở trình độ thạc sĩ chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo.

5. Trường không đáp ứng được điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này phải thuyết minh sự đáp ứng vượt trội về các điều kiện khác so với quy định tại Thông tư này và so với các Trường trong nước, bao gồm: đội ngũ giảng viên (số lượng, trình độ, uy tín chuyên môn); cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu; năng lực và kết quả NCKH; hợp tác quốc tế; số ngành đào tạo và số người học đã được cấp bằng tốt nghiệp tiến sĩ của Trường; ngành đào tạo dự kiến mở thuộc lĩnh vực ưu tiên hoặc có nhu cầu cấp thiết đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bộ GD&ĐT xác minh, kiểm tra thực tế

và xem xét, quyết định mở ngành trong trường hợp này.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

VÀ ĐỊNH CHỈ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH ĐÀO TẠO

Điều 9. Đề xuất và phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

1. Hiệu trưởng chỉ đạo đơn vị đào tạo phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức xây dựng và đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo.

2. Đơn vị đào tạo chủ trì tổ chức xây dựng nội dung đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo, gồm có:

a) Về sự cần thiết đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo: báo cáo phân tích, thuyết minh về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động hiện tại và hướng đến trong thời gian tới; phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, khảo sát yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực theo ngành đào tạo; phân tích xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của Trường, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước;

b) Về năng lực của đơn vị đào tạo: báo cáo phân tích, thuyết minh về năng lực hiện có đối với ngành và trình độ đào tạo đề xuất mở, bao gồm đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công nghệ học liệu, CTĐT, NCKH, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế;

c) Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo đề xuất mở: báo cáo thuyết minh kết quả mong đợi về thời gian mở ngành đào tạo, thời gian triển khai tổ chức thực hiện CTĐT, mục tiêu đào tạo, kế hoạch và số lượng tuyển sinh, quy mô đào tạo của ngành trong thời gian từ 05 đến 10 năm tới, chất lượng đào tạo, hiệu quả và tác động xã hội;

d) Về giải pháp và lộ trình thực hiện: báo cáo thuyết minh các giải pháp và lộ trình về xây dựng đề án mở ngành đào tạo, xây dựng CTĐT, nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu, nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo, kế hoạch đánh giá và kiểm định CTĐT;

đ) Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro: báo cáo phân tích, thuyết minh dự báo các tình huống rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục; báo cáo phân tích cụ thể về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp Trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.

3. Đơn vị đào tạo làm tờ trình đề xuất với Ban Giám hiệu (BGH) và Hội đồng Khoa học và Đào tạo (KH&ĐT) Trường (qua Phòng QLĐT/Phòng QLSDH) về việc mở

ngành đào tạo theo các nội dung được quy định tại khoản 2 Điều này (xem Phụ lục 1.1 - Mẫu Tờ trình đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo).

4. Hội đồng KH&ĐT Trường tổ chức thẩm định và có kết luận về đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo đã được xây dựng bảo đảm đầy đủ nội dung và chất lượng theo quy định tại khoản 2 Điều này và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan (xem Phụ lục 2.1 - Mẫu Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT Trường thẩm định đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo).

5. Trên cơ sở chủ trương đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo đã được Hội đồng KH&ĐT Trường tổ chức thẩm định và có kết luận theo quy định tại khoản 4 Điều này, Hiệu trưởng báo cáo trình HĐT phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo. HĐT chịu trách nhiệm về các nội dung:

- a) Định hướng phát triển ngành đề xuất mở phải phù hợp với định hướng phát triển của Trường, bảo đảm phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của các Bộ, ngành, địa phương, cả nước và hội nhập quốc tế;
- b) Bảo đảm nguồn lực để triển khai đề án mở ngành đào tạo đạt hiệu quả;
- c) Đánh giá về dự báo rủi ro, các giải pháp ngăn ngừa, đề phòng rủi ro và cách thức giải quyết trong trường hợp xảy ra rủi ro khi mở ngành đào tạo.

Điều 10. Xây dựng đề án, chuẩn bị điều kiện mở ngành đào tạo

1. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo theo đề nghị của Phòng QLĐT/Phòng QLSĐH. Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo có từ 9-11 thành viên, gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký và các ủy viên; và 01 thư ký hành chính.

a) Yêu cầu về thành phần của Hội đồng:

- Đại diện giảng viên (thuộc khoa/viện, bộ môn liên quan) có trình độ thạc sĩ trở lên đối với đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học; có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, hoặc có trình độ tiến sĩ đối với đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; am hiểu về ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý ngành đào tạo, có năng lực xây dựng đề án mở ngành đào tạo;

- Chuyên gia có năng lực xây dựng đề án mở ngành đào tạo (Đại diện Phòng QLĐT/Phòng QLSĐH, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục (KT&ĐBCLGD), Phòng Kế hoạch – Tài chính (KHTC));

- Đại diện đơn vị sử dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan có trình độ thạc sĩ trở lên, có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng và các thành viên Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo:

- Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo có nhiệm vụ chỉ đạo xây dựng đề án mở ngành đào tạo theo đúng kế hoạch, đảm bảo nội dung đề án mở ngành đào tạo tại khoản 2 Điều này và tuân thủ theo các hướng dẫn, thủ tục quy trình xây dựng đề án mở ngành đào tạo của Trường.

- Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo chung việc xây dựng đề án mở ngành đào tạo, tổ chức các cuộc họp tư vấn, góp ý đề án mở ngành đào tạo; Phó Chủ tịch Hội đồng phụ trách về chuyên môn của Hội đồng, thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng khi được ủy quyền; Thành viên Hội đồng chịu sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng, tham gia tư vấn, góp ý đề án mở ngành đào tạo.

2. Nội dung đề án mở ngành đào tạo gồm có:

- a) Một số thông tin cơ bản giới thiệu về Trường: giới thiệu sơ lược về Trường.
- b) Sự cần thiết mở ngành đào tạo: báo cáo khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành đào tạo đã được phê duyệt.
- c) Điều kiện về CTĐT để mở ngành đào tạo: báo cáo CTĐT đã được xây dựng, thẩm định và ban hành, bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.
- d) Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo:

- Căn cứ các quy định về điều kiện đội ngũ giảng viên trong mở ngành đào tạo theo quy định tại Chương 2 của Quy định này và điều kiện thực tế của Trường, Hiệu trưởng chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học nhằm đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo tương ứng với mỗi trình độ đào tạo theo quy định tại Chương 2 của Quy định này và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành;

- Xây dựng kế hoạch, xác định thời gian, lộ trình và cam kết thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị, tổ chức, cá nhân của Trường và tổ chức triển khai thực hiện việc tuyển dụng, ký hợp đồng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học, bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của CTĐT, phân công giảng dạy, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, NCKH của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định tại Chương 2 của Quy định này, bảo đảm tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành và phải được cam kết thực hiện trong đề án mở ngành đào tạo.

đ) Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo:

- Căn cứ các quy định về điều kiện cơ sở vật chất trong mở ngành đào tạo theo quy định tại Chương 2 của Quy định này và điều kiện thực tế của Trường, Hiệu trưởng chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo

tương ứng với mỗi trình độ đào tạo theo quy định tại Chương 2 của Quy định này và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành;

- Xây dựng kế hoạch, xác định thời gian, lộ trình và cam kết thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị, tổ chức, cá nhân của Trường và triển khai thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của CTĐT, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, NCKH của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định của Thông tư này, quy định của Trường, bảo đảm tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành và phải được cam kết trong đề án mở ngành đào tạo.

e) Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo:

- Xác định đơn vị đào tạo quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở;

- Phân công cán bộ quản lý chuyên môn và giao trách nhiệm, quyền hạn cho tập thể và cá nhân cán bộ quản lý chuyên môn để quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

f) Phương án, giải pháp để phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo:

- Báo cáo phân tích tình hình phát triển kinh tế xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của Trường và những nội dung khác có liên quan, từ đó dự báo các rủi ro có thể xảy ra khi mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo cùng các giải pháp chung để ngăn ngừa kịp thời nhằm hạn chế rủi ro cũng như đề xuất các phương án cụ thể mang tính chủ động để ngăn ngừa và xử lý khi rủi ro xảy ra;

- Báo cáo thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp Trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, Trường và các bên liên quan.

g) Các minh chứng kèm theo đề án:

- Nghị quyết của HĐT phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo;

- Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT Trường thẩm định đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo;

- Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT, Hội đồng thẩm định CTĐT; Biên bản thẩm định CTĐT của Hội đồng thẩm định CTĐT; Quyết định ban hành CTĐT;

- Danh sách đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này, gồm các thông tin theo mẫu báo cáo quy định tại Mục 1 (về giảng viên) và Mục 2 (về kết quả NCKH) (xem Phụ lục 13 – Mẫu Xác nhận điều kiện thực tế về mở ngành đào tạo); bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao chứng thực văn bằng do Trường Việt Nam cấp hoặc

văn bằng do Trường nước ngoài cấp và giấy công nhận văn bằng do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo đã chuẩn bị theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này, gồm các thông tin theo các mẫu báo cáo được quy định tại Mục 3 (về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện CTĐT) (xem Phụ lục 13 – *Mẫu Xác nhận điều kiện thực tế về mở ngành đào tạo*).

Điều 11. Thẩm định đề án mở ngành đào tạo

1. Hội đồng KH&ĐT Trường tổ chức thẩm định đề án mở ngành đào tạo đối với các ngành đào tạo mà Trường được phép mở ngành. Hội đồng KH&ĐT phải xem xét, đánh giá điều kiện thực tế của Trường trên cơ sở căn cứ các quy định tại Quy định này và các quy định của pháp luật hiện hành, đánh giá mức độ đáp ứng so với yêu cầu về điều kiện để được mở ngành đối với từng nội dung cụ thể của đề án, bao gồm thẩm định các điều kiện về tên ngành đào tạo, CTĐT, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy - học trực tuyến và công tác tổ chức quản lý đối với ngành đào tạo đề xuất mở.

2. Kết quả thẩm định đề án mở ngành đào tạo của Hội đồng KH&ĐT Trường phải được thể hiện bằng Biên bản thẩm định và có kết luận cụ thể về việc Trường đã có đủ điều kiện để được mở ngành đào tạo hoặc chưa đủ điều kiện theo quy định tại Quy định này và các quy định của pháp luật hiện hành (xem Phụ lục 2.4 – *Mẫu Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT Trường thẩm định đề án mở ngành đào tạo*). Trong quá trình thẩm định, Hội đồng KH&ĐT Trường phải kiểm tra điều kiện thực tế và kiểm tra các minh chứng cụ thể trước khi kết luận, đồng thời báo cáo Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm giải trình về kết quả thẩm định. Hội đồng KH&ĐT Trường có thể đề xuất Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo thay mặt Hội đồng KH&ĐT Trường thẩm định đề án mở ngành đào tạo vào báo cáo kết quả cho Hội đồng KH&ĐT Trường (thành phần Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo và quy định họp Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo tương tự như đối với Hội đồng thẩm định CTĐT được quy định tại khoản 1, 2 Điều 25 Quy định này).

3. Hội đồng KH&ĐT Trường chỉ họp khi có mặt của ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng. Kết luận của Hội đồng KH&ĐT Trường có hiệu lực khi trên 50% số thành viên của Hội đồng theo danh sách đồng ý. Hiệu trưởng quy định trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng KH&ĐT Trường và các thành viên trong Hội đồng.

Điều 12. Hồ sơ mở ngành đào tạo

Hồ sơ mở ngành đào tạo gồm có:

1. Văn bản đề nghị mở ngành đào tạo: tóm tắt quá trình xây dựng đề án, báo cáo

khẳng định về việc bảo đảm đủ các điều kiện theo quy định để được mở ngành đào tạo và đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định. (xem Phụ lục 16.1 – Tờ trình đề nghị mở ngành đào tạo; Phụ lục 16.2 – Công văn đề nghị mở ngành đào tạo).

2. Đề án mở ngành đào tạo đã được thẩm định theo quy định tại Điều 11 Quy định này, bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 9 Quy định này (xem Phụ lục 3.2 – Mẫu Đề án mở ngành đào tạo).

Điều 13. Phê duyệt đề án và quyết định mở ngành đào tạo

1. Đối với ngành đào tạo do Trường tự chủ mở ngành:

Trường có đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành (ở từng trình độ đào tạo) theo quy định tại Chương 2 Quy định này được tự chủ mở ngành đào tạo trình độ đại học; khi đạt chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ đại học thì được tự chủ mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành phù hợp; khi đạt chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ thì được tự chủ mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ ngành phù hợp. Việc phê duyệt đề án và quyết định mở ngành đào tạo được thực hiện như sau:

a) Hiệu trưởng quyết định việc mở ngành đào tạo khi Trường đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được mở ngành theo Quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật;

b) Phòng QLĐT/Phòng QLSDH có trách nhiệm gửi quyết định mở ngành và đề án mở ngành để báo cáo Bộ GD&ĐT theo quy định tại Điều 32 của Quy định này.

2. Đối với ngành đào tạo do Bộ GD&ĐT quyết định mở ngành:

Trường hợp mở ngành mới trình độ thạc sĩ, tiến sĩ nhưng Trường chưa đáp ứng được quy định tại khoản 4 Điều 7 (đối với trình độ thạc sĩ), khoản 5 Điều 8 (đối với trình độ tiến sĩ) hoặc quy định về kiểm định chất lượng CTĐT tại khoản 1, điểm a, Điều này; hoặc Trường đang trong thời gian bị đình chỉ hoạt động đối với ngành đào tạo do tự chủ mở ngành đào tạo khi chưa đảm bảo các điều kiện theo quy định, Bộ GD&ĐT quyết định mở ngành đào tạo. Việc phê duyệt đề án và quyết định mở ngành đào tạo được thực hiện như sau:

a) Trường gửi 01 bộ hồ sơ mở ngành đến Bộ GD&ĐT theo hình thức gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Bộ GD&ĐT;

b) Bộ GD&ĐT tiếp nhận và thẩm định hồ sơ; trong trường hợp cần thiết Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quyết định việc tổ chức đoàn kiểm tra thực tế các điều kiện bảo đảm chất lượng tại Trường;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ mở ngành của Trường, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ra quyết định cho phép mở ngành đào tạo, nếu hồ sơ mở ngành của Trường đầy đủ và đáp ứng các điều kiện để được mở ngành theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT và các quy định khác có liên quan của pháp luật. Nếu

hồ sơ mở ngành của Trường chưa đầy đủ, chưa bảo đảm các điều kiện để được mở ngành theo quy định, Bộ GD&ĐT thông báo kết quả bằng văn bản về tình trạng hồ sơ và những nội dung chưa bảo đảm theo quy định đối với Trường.

Điều 14. Đinh chỉ hoạt động và thời hạn hiệu lực của ngành đào tạo

1. Trường bị đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo đối với ngành đã được mở khi có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của Trường ở một trong các trường hợp sau:

a) Tự chủ mở ngành khi chưa đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

b) Tự chủ mở ngành khi chưa đủ một trong các điều kiện được mở ngành đào tạo theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT và các quy định khác có liên quan của pháp luật (bao gồm cả các điều kiện phải cam kết trong đề án mở ngành đào tạo theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT).

2. Lý do, phạm vi, thời hạn đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo với Trường sẽ được Bộ GD&ĐT xác định rõ trong quyết định và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của Trường và không được tự chủ mở ngành đào tạo trong thời hạn 05 năm, kể từ khi có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của Trường.

4. Sau thời hạn đình chỉ hoạt động ngành đào tạo, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ hoạt động ngành đào tạo được khắc phục và Trường bảo đảm đầy đủ các điều kiện để được mở ngành đào tạo theo quy định, Trường gửi văn bản đề nghị Bộ GD&ĐT quyết định cho phép hoạt động ngành đào tạo trở lại. Trường hợp hết thời hạn đình chỉ hoạt động ngành đào tạo mà chưa được Bộ GD&ĐT quyết định cho phép hoạt động ngành đào tạo trở lại, nếu Trường muốn tiếp tục tuyển sinh và tổ chức đào tạo ngành này, Trường phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để được mở ngành và thực hiện lại trình tự, thủ tục mở ngành theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

5. Đối với ngành đào tạo đã được mở nhưng trong thời gian 03 năm liên tiếp (đối với đào tạo trình độ đại học) và 05 năm liên tiếp (đối với đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc trình độ tiến sĩ) Trường không tổ chức tuyển sinh hoặc không tuyển sinh được thì quyết định mở ngành đối với ngành này của Trường hết hiệu lực. Nếu Trường muốn tiếp tục

tuyển sinh và tổ chức đào tạo ngành này, Trường phải thực hiện lại trình tự, thủ tục mở ngành theo Quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Chương IV

CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC TRÌNH ĐỘ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 15. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1. Phải nêu rõ kỳ vọng của Trường về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp CTĐT.
2. Phải thể hiện được định hướng đào tạo: định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghề nghiệp; đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan.
3. Phải phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của Trường, nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học và mô tả trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Điều 16. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Phải rõ ràng và thiết thực, thể hiện kết quả học tập mà người tốt nghiệp cần đạt được về hiểu biết chung và năng lực cốt lõi ở trình độ đào tạo, những yêu cầu riêng của lĩnh vực, ngành đào tạo.
2. Phải đo lường, đánh giá được theo các cấp độ tư duy làm căn cứ thiết kế, thực hiện và cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và cấp văn bằng cho người học.
3. Phải nhất quán với mục tiêu của CTĐT, thể hiện được sự đóng góp rõ nét đồng thời phản ánh được những yêu cầu mang tính đại diện cao của giới tuyển dụng và các bên liên quan khác.
4. Phải chỉ rõ bậc trình độ cụ thể và đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực cần thiết theo quy định cho bậc trình độ tương ứng theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
5. Phải bảo đảm tính liên thông với chuẩn đầu vào của trình độ đào tạo cao hơn (nếu có), đồng thời tạo cơ hội liên thông ngang giữa các chương trình cùng trình độ đào tạo, nhất là giữa các chương trình thuộc cùng nhóm ngành hoặc cùng lĩnh vực.
6. Phải được cụ thể hóa một cách đầy đủ và rõ nét trong chuẩn đầu ra của các học phần và thành phần trong CTĐT, đồng thời được thực hiện một cách có hệ thống qua liên kết giữa các học phần và các thành phần.

7. Phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khối lượng chương trình để phần lớn người học đã đáp ứng chuẩn đầu vào có khả năng hoàn thành của CTĐT trong thời gian tiêu chuẩn.

Điều 17. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

1. Chuẩn đầu vào của CTĐT phải xác định rõ những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm phù hợp với từng trình độ, ngành và định hướng đào tạo mà người học cần đáp ứng để có thể học tập thành công và hoàn thành tốt CTĐT.

2. Chuẩn đầu vào của CTĐT đại học và CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7: Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương.

3. Chuẩn đầu vào của CTĐT thạc sĩ: Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Đối với CTĐT thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, người học phải tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập.

4. Chuẩn đầu vào của CTĐT tiến sĩ: Người học phải tốt nghiệp thạc sĩ hoặc CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp hạng giỏi trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên); có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu.

Điều 18. Khối lượng học tập

1. Khối lượng học tập của CTĐT, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong CTĐT được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

2. Khối lượng học tập tối thiểu của một CTĐT phải phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, cụ thể như sau:

a) CTĐT đại học: 120 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành;

b) CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7: 150 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành; hoặc 30 tín chỉ đối với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành;

c) CTĐT thạc sĩ: 60 tín chỉ đối với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành;

d) CTĐT tiến sĩ: 90 tín chỉ với người có trình độ thạc sĩ, 120 tín chỉ với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành.

3. Khối lượng học tập đối với các CTĐT song ngành phải cộng thêm 30 tín chỉ, đối với CTĐT ngành chính - ngành phụ phải cộng thêm 15 tín chỉ so với CTĐT đơn ngành tương ứng.

Điều 19. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

1. Cấu trúc và nội dung CTĐT:

a) Phải thể hiện rõ vai trò của từng thành phần, học phần, sự liên kết logic và hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành phần, học phần đảm bảo thực hiện mục tiêu, yêu cầu tổng thể của CTĐT;

b) Phải thể hiện rõ đặc điểm và yêu cầu chung về chuyên môn, nghề nghiệp trong lĩnh vực, nhóm ngành ở trình độ đào tạo, tạo điều kiện thực hiện liên thông giữa các ngành và trình độ đào tạo; đồng thời thể hiện những đặc điểm và yêu cầu riêng của ngành đào tạo;

c) Phải quy định rõ những thành phần chính yếu, bắt buộc đối với tất cả người học; đồng thời đưa ra các thành phần bổ trợ, tự chọn để người học lựa chọn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân;

d) Phải định hướng được cho người học đồng thời đảm bảo tính mềm dẻo, tạo điều kiện cho người học xây dựng kế hoạch học tập cá nhân theo tiến độ và trình tự phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân.

2. Mỗi thành phần, học phần của CTĐT phải quy định mục tiêu, yêu cầu đầu vào và đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên môn; đóng góp rõ nét trong thực hiện mục tiêu và CDR của CTĐT.

3. Yêu cầu đối với CTĐT đại học và CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7:

a) Giáo dục đại cương bắt buộc bao gồm các môn lý luận chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành;

b) Đối với các CTĐT song ngành, ngành chính - ngành phụ, CTĐT cần được cấu trúc để thể hiện rõ những thành phần chung và những phần riêng theo từng ngành;

c) Đối với CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7, yêu cầu khối lượng thực tập tối thiểu là 8 tín chỉ.

4. Yêu cầu đối với CTĐT thạc sĩ:

a) Định hướng nghiên cứu: khối lượng NCKH từ 24 đến 30 tín chỉ, bao gồm 12 đến 15 tín chỉ cho luận văn, 12 đến 15 tín chỉ cho các đồ án, dự án, chuyên đề nghiên cứu khác;

b) Định hướng ứng dụng: thực tập từ 6 đến 9 tín chỉ; học phần tốt nghiệp từ 6 đến 9 tín chỉ dưới hình thức đề án, đồ án hoặc dự án.

5. Yêu cầu đối với CTĐT tiến sĩ:

- a) Tối thiểu 80% NCKH và luận án tiến sĩ;
- b) Tối đa 16 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ thạc sĩ;
- c) Tối thiểu 30 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ đại học.

Điều 20. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

1. Phương pháp giảng dạy phải được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả CTĐT.

2. Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và CTĐT.

3. Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến chất lượng và tổ chức thực hiện CTĐT.

Điều 21. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

1. Chuẩn chương trình phải quy định những yêu cầu tối thiểu về số lượng, cơ cấu, trình độ, năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ để tổ chức giảng dạy và hỗ trợ người học nhằm đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT.

2. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình đại học, giảng dạy CTĐT chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7:

a) Giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên, trợ giảng có trình độ đại học trở lên; riêng đối với chuyên gia thực tế giảng dạy các học phần thực tập tại doanh nghiệp, hoặc học phần thực hành, giờ thực hành, báo cáo thực tế tại Trường có trình độ thạc sĩ trở lên hoặc trình độ cử nhân có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm trong cùng lĩnh vực công tác;

b) Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là GVCH để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT;

c) Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là GVCH để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy;

d) Có đủ số lượng giảng viên để đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định cho từng lĩnh vực, nhóm ngành hoặc ngành đào tạo.

3. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình thạc sĩ:

a) Giảng viên có trình độ tiến sĩ; riêng đối với chuyên gia thực tế giảng dạy các học phần chuyên đề thực tế có trình độ thạc sĩ trở lên và có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn cùng ngành đào tạo;

b) Có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là GVCH, trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT;

c) Có GVCH với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần của chương trình;

d) Có đủ người hướng dẫn để đảm bảo tỉ lệ tối đa 05 học viên trên một người hướng dẫn.

4. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình tiến sĩ:

a) Giảng viên có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư; hoặc có trình độ tiến sĩ với năng lực nghiên cứu tốt;

b) Có ít nhất 01 giáo sư (hoặc 02 phó giáo sư) ngành phù hợp và 03 tiến sĩ ngành phù hợp là GVCH;

c) Có đủ người hướng dẫn để đảm bảo tỉ lệ tối đa 07 nghiên cứu sinh/giáo sư, 05 nghiên cứu sinh/phó giáo sư và 03 nghiên cứu sinh/tiến sĩ.

5. Chuẩn chương trình cho các ngành, nhóm ngành sẽ quy định yêu cầu cụ thể về đội ngũ giảng viên không thấp hơn quy định tại các khoản 2, 3 và 4 của Điều này; yêu cầu cụ thể về tỉ lệ người học trên giảng viên; yêu cầu về đội ngũ nhân lực hỗ trợ đào tạo (nếu cần thiết), phù hợp với đặc điểm của từng lĩnh vực, nhóm ngành hoặc ngành đào tạo.

Điều 22. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Chuẩn chương trình cho các ngành, nhóm ngành quy định những yêu cầu tối thiểu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo.

Chương V
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 23. Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo

1. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT theo đề nghị của Phòng QLĐT/Phòng QLSDH. Hội đồng xây dựng CTĐT có từ 9-11 thành viên, gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký và các ủy viên; và 01 thư ký hành chính.

a) Yêu cầu về thành phần của Hội đồng:

- Đại diện giảng viên (thuộc khoa/viện, bộ môn liên quan) có trình độ thạc sĩ trở

lên đối với CTĐT đại học, CTĐT chuyên sâu đặc thù bậc 7; có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, hoặc có trình độ tiến sĩ đối với CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý ngành đào tạo, có năng lực xây dựng và phát triển chương trình đào tạo;

- Chuyên gia có năng lực phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học (Đại diện Phòng QLĐT/Phòng QLSDH, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục (KT&ĐBCLGD), Phòng Kế hoạch – Tài chính (KHTC));

- Đại diện đơn vị sử dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan có trình độ thạc sĩ trở lên, có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng và các thành viên Hội đồng xây dựng CTĐT:

- Hội đồng xây dựng CTĐT có nhiệm vụ chỉ đạo xây dựng CTĐT theo đúng kế hoạch, đảm bảo các yêu cầu đối với CTĐT tại khoản 2 Điều này và tuân thủ theo các hướng dẫn, thủ tục quy trình xây dựng CTĐT của Trường.

- Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo chung việc xây dựng CTĐT, tổ chức các cuộc họp tư vấn, góp ý đề án xây dựng CTĐT; Phó Chủ tịch Hội đồng phụ trách về chuyên môn của Hội đồng, thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng khi được ủy quyền; Thành viên Hội đồng chịu sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng, tham gia tư vấn, góp ý đề án xây dựng CTĐT.

2. Yêu cầu đối với CTĐT:

a) Đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn CTĐT các trình độ của giáo dục đại học theo quy định tại Chương IV của Quy định này, chuẩn CTĐT của các ngành, khối ngành (nếu có) và Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

b) Thể hiện rõ khả năng góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực theo kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, quốc gia và nhu cầu của thị trường lao động;

c) Phản ánh yêu cầu của các bên liên quan, trong đó có đại diện giảng viên tại các đơn vị chuyên môn, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, người đã tốt nghiệp CTĐT đang làm việc đúng chuyên môn;

d) Được tham khảo, đối sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành đã được kiểm định của các cơ sở đào tạo có uy tín ở trong nước và nước ngoài;

đ) Được thiết kế dựa trên CDR của CTĐT; phải tích hợp giảng dạy kỹ năng với kiến thức; phải có ma trận các học phần với CDR, bảo đảm CDR của CTĐT được phân bổ và truyền tải đầy đủ thành CDR của các học phần;

e) Các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá phải được lập kế hoạch và thiết kế dựa vào CDR của học phần, bảo đảm cung cấp những hoạt động giảng dạy thúc đẩy việc học tập đáp ứng CDR;

f) Có quy định, hướng dẫn thực hiện CTĐT, bảo đảm chất lượng đào tạo;

g) Được Hội đồng KH&ĐT Trường có ý kiến thông qua trước khi ban hành.

Điều 24. Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo và ban hành chương trình đào tạo

Bước 1. Đề xuất và phê duyệt chủ trương xây dựng CTĐT

1.1. Đơn vị đào tạo dựa vào các căn cứ pháp lý và căn cứ thực tiễn (Nhu cầu về nguồn nhân lực của ngành đào tạo đối với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và khoa học công nghệ của địa phương và cả nước, sự phù hợp của CTĐT về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của ngành, của địa phương và cả nước; Sự phù hợp của CTĐT với chức năng, nhiệm vụ, năng lực đào tạo của Trường và đơn vị đào tạo; Sự phù hợp của CTĐT với mục tiêu giáo dục của Trường, việc xây dựng CTĐT đã được xác định trong kế hoạch phát triển của Trường và đã được HĐT thông qua;...) làm tờ trình đề xuất xây dựng CTĐT với BGH và Hội đồng KH&ĐT Trường (qua Phòng QLĐT/Phòng QLSĐH) (xem Phụ lục 1.2 – Mẫu Tờ trình đề xuất xây dựng CTĐT).

1.2. Hội đồng KH&ĐT Trường (Thường trực Hội đồng KH&ĐT Trường) họp xem xét đề xuất xây dựng CTĐT của đơn vị đào tạo. Nếu việc xây dựng CTĐT là cần thiết và phù hợp với khả năng của đơn vị, định hướng phát triển của Nhà trường, Hội đồng (Thường trực Hội đồng) KH&ĐT đề xuất với Hiệu trưởng tổ chức triển khai xây dựng CTĐT (xem Phụ lục 2.2 – Mẫu Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT Trường/Thường trực Hội đồng KH&ĐT Trường thông qua đề xuất xây dựng CTĐT).

1.3. Hiệu trưởng báo cáo trình Hội đồng Trường phê duyệt chủ trương xây dựng CTĐT.

Bước 2. Thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT và ban hành Kế hoạch xây dựng CTĐT

2.1. Phòng QLĐT/Phòng QLSĐH trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Quy định này.

2.2. Phòng QLĐT/Phòng QLSĐH dự thảo Kế hoạch xây dựng CTĐT thông qua Hội đồng xây dựng CTĐT; hoàn thiện Kế hoạch xây dựng CTĐT căn cứ góp ý của Hội đồng xây dựng CTĐT, trình Hiệu trưởng ký ban hành Kế hoạch xây dựng CTĐT.

2.3. Hội đồng khoa/Hội đồng viện căn cứ Kế hoạch xây dựng CTĐT của Trường, tổ chức thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, cấu trúc của CTĐT, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai, các nguồn lực và giao nhiệm vụ cho các cá nhân và tập thể chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng CTĐT. Nội dung cuộc họp được ghi lại

Biên bản.

Bước 3. Xây dựng dự thảo lần 1 CDR và CTDT

Hội đồng khoa/Hội đồng viện căn cứ nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành đào tạo, nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành đào tạo kết hợp với yêu cầu về năng lực của người học đạt được sau khi tốt nghiệp và yêu cầu về khối lượng học tập tại Quy định này, đồng thời nghiên cứu Khung trình độ quốc gia Việt Nam, CDR và CTDT cùng trình độ, cùng ngành đào tạo trong nước và quốc tế (đã được kiểm định):

3.1. Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTDT, đề xuất các ý kiến tham khảo chuyên gia, đề xuất CDR kiến thức, kĩ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm để xây dựng dự thảo lần 1 CDR đáp ứng quy định tại Điều 16 của Quy định này (xem Phụ lục 4.1 – Mẫu CDR ngành đào tạo; Phụ lục 4.2- Mẫu CDR của CTDT);

3.2. Dựa vào dự thảo lần 1 CDR đề xuất ý kiến tham khảo chuyên gia để xây dựng dự thảo lần 1 CTDT (xem Phụ lục 5 – Mẫu Chương trình đào tạo) với cấu trúc và tỷ lệ các khối kiến thức và các học phần trong từng khối kiến thức đáp ứng quy định tại Điều 18, 19 Quy định này.

Bước 4. Điều tra khảo sát ý kiến các bên liên quan để xây dựng dự thảo lần 2 CDR và CTDT

4.1. Hội đồng khoa/Hội đồng viện lập kế hoạch, xác định các đối tượng khảo sát, thiết kế phiếu điều tra phù hợp với các đối tượng được hỏi và những thông tin cần biết về CDR (xem Phụ lục 6.1 – Mẫu Phiếu điều tra về CDR của CTDT) và về CTDT (xem Phụ lục 6.2 – Mẫu Phiếu điều tra về CTDT). Tổ chức thảo luận về các công việc cần làm để thu thập thông tin. Tiến hành điều tra thử và điều chỉnh phiếu điều tra.

4.2. Hội đồng khoa/Hội đồng viện thực hiện điều tra khảo sát thu thập thông tin từ các đối tượng khác nhau bao gồm: giảng viên, nhà khoa học; chuyên gia phát triển CTDT, quản lý đào tạo, kiểm định chất lượng giáo dục; đại diện đơn vị sử dụng lao động; hiệp hội nghề nghiệp; người học và cựu người học,...

4.3. Hội đồng khoa/Hội đồng viện tập hợp và xử lý số liệu thu được. Đối với các dữ liệu định lượng: lập bảng biểu và xử lý kết quả; thực hiện các thống kê mô tả, tần suất và tính toán độ tin cậy của các câu trả lời và xử lý thông tin. Đối với các dữ liệu định tính: đọc tất cả các câu trả lời; sắp xếp thành những nhóm tương đồng; phân loại nhóm theo tiêu chí; xác định các câu trả lời điển hình hoặc mối liên hệ của các câu trả lời trong mỗi nhóm. Từ thông tin thu được kết hợp với việc đối chiếu, so sánh với CDR và CTDT cùng trình độ, cùng ngành đào tạo trong nước và quốc tế (đã được kiểm định) (xem Phụ lục 7.1 – Bảng đối chiếu CDR và CTDT mới với CDR và CTDT tham khảo) để hoàn thiện dự thảo lần 2 CDR và CTDT.

Bước 5. Xây dựng đề cương chi tiết học phần và ma trận tích hợp CDR

5.1. Căn cứ vào dự thảo CTĐT, trưởng đơn vị đào tạo phối hợp với các bộ môn có liên quan đến các học phần trong CTĐT xây dựng đề cương chi tiết học phần (trừ các học phần được kế thừa từ các CTĐT đã được ban hành) (xem Phụ lục 8.1-8.7 – Mẫu Đề cương học phần và Phụ lục 8.8 – Mẫu Biên bản xác nhận danh mục tài liệu tham khảo).

5.2. Hội đồng khoa/Hội đồng viện họp thảo luận xác định trình tự thực hiện các khôi kiến thức và các học phần đạt CDR một cách tối ưu. Trình tự các học phần mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều học phần trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo. Sản phẩm của bước này là ma trận tích hợp CDR của các học phần trong CTĐT (xem Phụ lục 9 – Mẫu Ma trận tích hợp CDR của các học phần trong CTĐT).

(Đơn vị đào tạo chuẩn bị dự thảo CDR, CTĐT, Ma trận tích hợp CDR của các học phần trong CTĐT để tổ chức Hội thảo lấy ý kiến đóng góp các bên liên quan).

Bước 6. Tổ chức Hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan và họp Hội đồng xây dựng CTĐT để hoàn thiện hồ sơ xây dựng CTĐT

6.1. Đơn vị đào tạo tổ chức Hội thảo để lấy ý kiến đóng góp về CDR và CTĐT từ đại diện giảng viên, nhà khoa học; chuyên gia phát triển CTĐT, quản lý đào tạo, kiểm định chất lượng giáo dục; đại diện đơn vị sử dụng lao động; hiệp hội nghề nghiệp; người học và cựu người học,... Nội dung Hội thảo được ghi vào biên bản kèm ý kiến đóng góp CTĐT bằng văn bản của đại biểu tham dự (xem Phụ lục 6.3 - Mẫu Phiếu nhận xét CDR và CTĐT sử dụng cho Hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan).

6.2. Họp Hội đồng xây dựng CTĐT góp ý bản CDR và CTĐT, Đề cương các học phần trong CTĐT, Ma trận tích hợp CDR của các học phần trong CTĐT. Kết luận của Hội đồng xây dựng CTĐT được ghi vào biên bản họp. Đơn vị đào tạo chỉnh sửa CDR, CTĐT, Đề cương các học phần trong CTĐT, Ma trận tích hợp CDR của các học phần trong CTĐT theo góp ý của Hội đồng.

(Đơn vị đào tạo nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 26 về Phòng QLĐT/Phòng QLSDH để chuẩn bị họp Hội đồng thẩm định CTĐT)

Bước 7. Họp Hội đồng thẩm định CTĐT và chỉnh sửa hồ sơ xây dựng CTĐT

7.1. Thành lập Hội đồng thẩm định và họp Hội đồng thẩm định CTĐT để thực hiện các yêu cầu được quy định tại khoản 2 Điều 25. Nội dung họp Hội đồng được ghi biên bản (xem Phụ lục 10.1 – Mẫu Biên bản họp hội đồng thẩm định CTĐT).

7.2. Căn cứ vào kết luận của Hội đồng thẩm định, Hội đồng xây dựng CTĐT và đơn vị đào tạo trao đổi và thống nhất chỉnh sửa hồ sơ xây dựng CTĐT và lập biên bản giải trình sửa chữa (xem Phụ lục 10.4 – Mẫu Bản giải trình tiếp thu ý kiến Hội đồng thẩm định).

Bước 8. Thông qua Hội đồng KH&ĐT Trường, Hội đồng Trường và ban hành chương trình đào tạo

8.1. Phòng QLĐT/Phòng QLSDH trình Hiệu trưởng tổ chức họp Hội đồng KH&ĐT Trường thông qua CTĐT. Nội dung họp Hội đồng được ghi biên bản (xem Phụ lục 2.4 – Mẫu Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT Trường thông qua CTĐT). Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng KH&ĐT Trường, Phòng QLĐT/Phòng QLSDH phối hợp đơn vị đào tạo rà soát và hoàn chỉnh hồ sơ xây dựng CTĐT đầy đủ theo quy định tại Điều 26, đề nghị Hiệu trưởng báo cáo HĐT thông qua CTĐT.

8.2. Phòng QLĐT/Phòng QLSDH trình Hiệu trưởng ký quyết định ban hành và áp dụng CTĐT.

8.3. Các đơn vị báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin về CTĐT theo quy định tại Điều 32 Quy định này.

Điều 25. Thẩm định chương trình đào tạo

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT căn cứ vào đề xuất của Phòng QLĐT/Phòng QLSDH. Thành phần, cơ cấu và tiêu chuẩn của Hội đồng thẩm định CTĐT được quy định như sau:

a) Hội đồng thẩm định CTĐT có 05 thành viên, gồm chủ tịch, thư ký, 02 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở giáo dục đại học khác nhau và ủy viên là người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động.

b) Thành viên Hội đồng thẩm định CTĐT là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đúng ngành hoặc ngành gần đối với CTĐT thuộc ngành mới, các chuyên gia am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, có năng lực xây dựng, phát triển CTĐT và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học. Thành viên Hội đồng thẩm định CTĐT không là thành viên Hội đồng xây dựng CTĐT.

Trường hợp không có người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động có trình độ tiến sĩ thì có thể mời người đã có học vị thạc sĩ và có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của CTĐT.

2. Họp Hội đồng thẩm định CTĐT:

a) Yêu cầu thẩm định CTĐT:

- Đánh giá được mức độ đáp ứng các quy định của chuẩn CTĐT, quy chế tổ chức đào tạo hiện hành đối với các trình độ tương ứng; các quy định liên quan khác về CTĐT; yêu cầu của ngành đào tạo và mục tiêu, CDR đã xác định;

- Kết luận rõ một trong các nội dung sau: Hội đồng thông qua CTĐT, không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng thông qua CTĐT nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng không thông qua CTĐT và nêu lý do không thông qua.

b) Hội đồng thẩm định CTĐT chi họp khi có mặt ít nhất 4/5 số thành viên của Hội đồng (bao gồm chủ tịch, thư ký và tối thiểu 01 ủy viên phản biện). Kết luận của Hội đồng thẩm định CTĐT được ghi vào biên bản có hiệu lực khi có ít nhất 3/5 số thành viên theo danh sách của Hội đồng đồng ý.

3. CTĐT của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài trước khi được sử dụng theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 36 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018) phải được thẩm định theo quy định tại Điều này.

Điều 26. Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo

Hồ sơ xây dựng CTĐT bao gồm:

1. Tờ trình đề xuất xây dựng CTĐT (xem Phụ lục 1.2 – Mẫu Tờ trình đề xuất xây dựng CTĐT)
2. Đề án xây dựng CTĐT (xem Phụ lục 3.1 – Mẫu Đề án xây dựng CTĐT)
3. Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo và CTĐT (xem Phụ lục 4.1 – Mẫu CDR ngành đào tạo; Phụ lục 4.2- Mẫu CDR của CTĐT)
4. Chương trình đào tạo (xem Phụ lục 5 – Mẫu CTĐT)
5. Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của các học phần trong chương trình đào tạo (xem Phụ lục 9 – Mẫu Ma trận tích hợp CDR của các học phần trong CTĐT)
6. Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu tham gia chương trình đào tạo (xem Phụ lục 11 – Mẫu Lý lịch khoa học của giảng viên)
7. Phiếu tự đánh giá các điều kiện xây dựng CTĐT (xem Phụ lục 12 – Mẫu Phiếu tự đánh giá điều kiện xây dựng CTĐT)
8. Bộ đề cương các học phần trong CTĐT (xem Phụ lục 8 – Mẫu Đề cương học phần).
9. Bảng đối chiếu CDR và CTĐT mới với các CDR và CTĐT tham khảo (xem Phụ lục 7.1 – Bảng đối chiếu CDR và CTĐT mới với CDR và CTĐT tham khảo).
10. Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT, các Biên bản họp Hội đồng xây dựng CTĐT; các Biên bản họp Hội đồng khoa/Hội đồng viện; Biên bản Hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan về CDR và CTĐT, các Phiếu nhận xét CDR và CTĐT của đại diện các bên tham gia Hội thảo; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT, Biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT, các Bản nhận xét CDR và CTĐT (xem Phụ lục 10.2) và các Phiếu thẩm định CTĐT (xem Phụ lục 10.3) của thành viên Hội đồng thẩm định CTĐT, Bản giải trình tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định CTĐT; Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT Trường, Nghị quyết của HĐT thông qua chủ trương xây dựng CTĐT và thông qua CTĐ.
11. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện CTĐT (xem Phụ lục 14 – Mẫu Danh sách giảng viên tham gia mở ngành đào tạo; Phụ lục 15- Mẫu Thông kê danh sách giảng

viên chủ trì CTĐT và chủ trì các thành phần trong CTĐT)

12. Minh chứng về nhu cầu xã hội đối với ngành, chuyên ngành dự kiến mở mới, bao gồm kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong cùng lĩnh vực ở địa phương, khu vực; kết quả điều tra ý kiến của cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động, dự báo nhu cầu nhân lực trong lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; ý kiến của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên về chương trình đào tạo.

Chương VI

ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 27. Tổ chức đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

1. CTĐT phải thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá phải được áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Đánh giá CTĐT phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Việc đánh giá phải đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn CTĐT các trình độ của giáo dục đại học theo quy định tại Chương IV của Quy định này và chuẩn CTĐT của các ngành, khối ngành (nếu có);

b) Việc đánh giá phải dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được CDR của CTĐT đối với mỗi khóa học và phản hồi của các bên liên quan (giới sử dụng lao động, người học, giảng viên, tổ chức nghề nghiệp...). Mỗi CDR phải được đánh giá tối thiểu hai lần trong chu kỳ đánh giá CTĐT;

c) Việc đánh giá phải phải làm rõ tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với CDR và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy);

d) Việc đánh giá phải đưa ra đề xuất cải tiến chất lượng CTĐT và dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật CTĐT; kết quả đánh giá, cải tiến phải được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.

3. Định kỳ từ 2-3 năm, Trường tổ chức đánh giá giữa chu kỳ và cải tiến CDR, CTĐT; định kỳ 4-5 năm, Trường tổ chức đánh giá tổng thể và cải tiến CDR, CTĐT. Ngoài ra, hàng năm tùy thuộc vào yêu cầu cập nhật các văn bản mới của Bộ GD&ĐT hoặc định hướng, chủ trương giảng dạy và học tập của Trường, Hiệu trưởng sẽ quyết định nội dung, quy trình cải tiến CDR, CTĐT. Hiệu trưởng công bố CTĐT dưới dạng chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

4. Việc đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trước khi khóa đầu tiên tốt nghiệp theo quy định về mở ngành đào tạo tại khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số

điều của Luật Giáo dục đại học phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều này.

5. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng đánh giá tổng thể/Hội đồng đánh giá giữa chu kỳ và cải tiến chất lượng CTĐT theo đề nghị của Phòng QLĐT/Phòng QLSĐH. Thành phần, cơ cấu, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng và các thành viên Hội đồng đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT:

a) Hội đồng đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT tương tự như thành phần Hội đồng xây dựng CTĐT, trong đó Hội đồng đánh giá giữa chu kỳ và cải tiến chất lượng CTĐT không gồm đại diện đơn vị sử dụng lao động.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng và các thành viên Hội đồng đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT:

- Hội đồng đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT có nhiệm vụ chỉ đạo đánh giá và cải tiến chất lượng theo đúng kế hoạch, đảm bảo các yêu cầu đối với CTĐT và tuân thủ theo các hướng dẫn, thủ tục quy trình đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT của Trường.

- Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo chung việc đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT, tổ chức các cuộc họp tư vấn, góp ý đề án cải tiến chất lượng CTĐT; Phó Chủ tịch Hội đồng phụ trách về chuyên môn của Hội đồng, thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng khi được ủy quyền; Thành viên Hội đồng chịu sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng, tham gia tư vấn, góp ý CDR và CTĐT dự kiến sửa đổi, bổ sung.

Điều 28. Quy trình đánh giá và cải tiến chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo và ban hành chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung

Việc đánh giá và cải tiến CDR, CTĐT định kỳ thực hiện theo quy trình sau:

Bước 1. Đề xuất chủ trương đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT

Phòng QLĐT/ Phòng QLSĐH báo cáo BGH về chủ trương đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT căn cứ vào định kỳ đánh giá và cải tiến CDR, CTĐT theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc yêu cầu cập nhật các văn bản của Bộ GD&ĐT.

Bước 2. Thành lập Hội đồng đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT và ban hành Kế hoạch đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT

2.1. Phòng QLĐT/ Phòng QLSĐH trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT đáp ứng quy định tại Điều 27 Quy định này.

2.2. Phòng QLĐT/Phòng QLSĐH dự thảo Kế hoạch đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT thông qua Hội đồng xây dựng CTĐT; hoàn thiện Kế hoạch đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT căn cứ góp ý của Hội đồng đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT, trình Hiệu trưởng ký ban hành Kế hoạch đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT.

2.3. Hội đồng khoa/Hội đồng viện căn cứ Kế hoạch đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT của Trường, tổ chức thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai, các nguồn lực và giao nhiệm vụ cho các cá nhân và tập thể

chịu trách nhiệm chính trong việc đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT. Nội dung cuộc họp được ghi lại Biên bản.

Bước 3. Xây dựng dự thảo lần 1 CDR và CTĐT

Hội đồng khoa/Hội đồng viện nghiên cứu các CTĐT cùng trình độ, cùng ngành đào tạo trong nước và quốc tế, các ý kiến khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài và các quy định mới cần cập nhật (nếu có):

3.1. Điều chỉnh mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT (nếu có), đề xuất các ý kiến tham khảo chuyên gia để điều chỉnh CDR (dự thảo lần 1).

3.2. Căn cứ vào dự thảo lần 1 CDR để điều chỉnh CTĐT (dự thảo lần 1).

Bước 4. Điều tra khảo sát ý kiến các bên liên quan để xây dựng dự thảo lần 2 CDR và CTĐT

4.1. Hội đồng khoa/Hội đồng viện lập kế hoạch, xác định các đối tượng khảo sát, thiết kế phiếu điều tra phù hợp với các đối tượng được hỏi và những thông tin cần biết về CDR (xem Phụ lục 6.1 – Mẫu Phiếu điều tra về CDR của CTĐT) và về CTĐT (xem Phụ lục 6.2 – Mẫu Phiếu điều tra về CTĐT). Tổ chức thảo luận về các công việc cần làm để thu thập thông tin. Tiến hành điều tra thử và điều chỉnh phiếu điều tra.

4.2. Hội đồng khoa/Hội đồng viện thực hiện điều tra khảo sát thu thập thông tin từ các đối tượng khác nhau bao gồm: giảng viên, nhà khoa học; chuyên gia phát triển CTĐT, quản lý đào tạo, kiểm định chất lượng giáo dục; đại diện đơn vị sử dụng lao động; hiệp hội nghề nghiệp; người học và cựu người học,...

4.3. Hội đồng khoa/Hội đồng viện tập hợp và xử lý số liệu thu được. Đối với các dữ liệu định lượng: lập bảng biểu và xử lý kết quả; thực hiện các thống kê mô tả, tần suất và tính toán độ tin cậy của các câu trả lời và xử lý thông tin. Đối với các dữ liệu định tính: đọc tất cả các câu trả lời; sắp xếp thành những nhóm tương đồng; phân loại nhóm theo tiêu chí; xác định các câu trả lời điển hình hoặc mối liên hệ của các câu trả lời trong mỗi nhóm. Từ thông tin thu được kết hợp với việc đối chiếu, so sánh với CDR và CTĐT cùng trình độ, cùng ngành đào tạo trong nước và quốc tế (đã được kiểm định) (xem Phụ lục 7.2 – Bảng đối chiếu CDR và CTĐT sửa đổi, bổ sung với CDR và CTĐT hiện hành, tham khảo) để hoàn thiện dự thảo lần 2 CDR và CTĐT.

Bước 5. Xây dựng đề cương chi tiết học phần và ma trận tích hợp CDR

5.1. Căn cứ vào dự thảo CDR và CTĐT, trưởng đơn vị đào tạo phối hợp các bộ môn có liên quan đến các học phần cần điều chỉnh trong CTĐT tổ chức xây dựng đề cương chi tiết học phần (xem Phụ lục 8.1-8.7 – Mẫu Đề cương học phần và Phụ lục 8.8 – Mẫu Biên bản xác nhận danh mục tài liệu tham khảo).

5.2. Hội đồng khoa/Hội đồng viện họp thảo luận xác định trình tự thực hiện các khái kiến thức và các học phần đạt CDR một cách tối ưu. Trình tự các học phần mô tả

rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều học phần trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo. Sản phẩm của bước này là ma trận tích hợp CDR của các học phần trong CTĐT (xem Phụ lục 9 – Mẫu Ma trận tích hợp CDR của các học phần trong CTĐT).

(Đơn vị đào tạo chuẩn bị dự thảo CDR, CTĐT, Ma trận tích hợp CDR của các học phần trong CTĐT để tổ chức Hội thảo lấy ý kiến đóng góp các bên liên quan).

Bước 6. Tổ chức Hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan và họp Hội đồng đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT để hoàn thiện hồ sơ đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT

6.1. Đơn vị đào tạo tổ chức Hội thảo để lấy ý kiến đóng góp về CDR và CTĐT từ đại diện giảng viên, nhà khoa học; chuyên gia phát triển CTĐT, quản lý đào tạo, kiêm định chất lượng giáo dục; đại diện đơn vị sử dụng lao động; hiệp hội nghề nghiệp; người học và cựu người học,... Nội dung Hội thảo được ghi vào biên bản kèm ý kiến đóng góp CTĐT bằng văn bản của đại biểu tham dự (xem Phụ lục 6.3 – Mẫu Phiếu nhận xét CDR và CTĐT sử dụng cho Hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan).

6.2. Họp Hội đồng xây dựng CTĐT góp ý bản CDR và CTĐT, Đề cương các học phần trong CTĐT, Ma trận tích hợp CDR của các học phần trong CTĐT. Kết luận của Hội đồng xây dựng CTĐT được ghi vào biên bản họp. Đơn vị đào tạo chỉnh sửa CDR, CTĐT, Đề cương các học phần trong CTĐT, Ma trận tích hợp CDR của các học phần trong CTĐT theo góp ý của Hội đồng.

(Đơn vị đào tạo nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 30 về Phòng QLĐT/Phòng QLSDH để chuẩn bị họp Hội đồng thẩm định CTĐT)

Bước 7. Họp Hội đồng thẩm định CTĐT và chỉnh sửa hồ sơ đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT

7.1. Thành lập Hội đồng thẩm định và họp Hội đồng thẩm định CTĐT để thực hiện các yêu cầu được quy định tại khoản 2 Điều 29. Nội dung họp Hội đồng được ghi biên bản (xem Phụ lục 10.1 – Mẫu Biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT).

7.2. Căn cứ vào kết luận của Hội đồng thẩm định, Hội đồng đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT và đơn vị đào tạo trao đổi và thống nhất chỉnh sửa hồ sơ đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT và lập biên bản giải trình sửa chữa (xem Phụ lục 10.4 – Mẫu Bản giải trình tiếp thu ý kiến Hội đồng thẩm định).

Bước 8. Thông qua Hội đồng KH&ĐT Trường, Hội đồng Trường và ban hành CTĐT sửa đổi, bổ sung

8.1. Phòng QLĐT/Phòng QLSDH trình Hiệu trưởng tổ chức họp Hội đồng KH&ĐT Trường thông qua CTĐT. Nội dung họp Hội đồng được ghi biên bản (xem Phụ lục 2.3 – Mẫu Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT Trường thông qua CTĐT). Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng KH&ĐT Trường, Phòng QLĐT/Phòng QLSDH phối hợp đơn vị đào

tạo rà soát và hoàn chỉnh hồ sơ đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT đầy đủ theo quy định tại Điều 30, đề nghị Hiệu trưởng báo cáo HĐT thông qua CTĐT.

8.2. Phòng QLĐT/Phòng QLSĐH trình Hiệu trưởng ký quyết định sửa đổi, bổ sung và áp dụng CTĐT.

8.3. Các đơn vị báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin về CTĐT theo quy định tại Điều 32 Quy định này.

Điều 29. Thẩm định chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT căn cứ vào đề xuất của Phòng QLĐT/Phòng QLSĐH. Hội đồng thẩm định CTĐT đối với CTĐT đánh giá tổng thể tương tự Hội đồng thẩm định CTĐT xây mới; Hội đồng thẩm định CTĐT đối với CTĐT đánh giá giữa chu kỳ hoặc cập nhật quy định của Bộ GD&ĐT có 05 thành viên thuộc Trường, gồm chủ tịch (BGH), thư ký (đại diện Phòng QLĐT/Phòng QLSĐH), 02 ủy viên phản biện và 01 ủy viên là các chuyên gia có năng lực phát triển CTĐT và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học và/hoặc giảng viên am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo.

2. Họp Hội đồng thẩm định CTĐT:

a) Yêu cầu thẩm định CTĐT:

- Đánh giá được mức độ đáp ứng các quy định của chuẩn CTĐT, quy chế tổ chức đào tạo hiện hành đối với các trình độ tương ứng; các quy định liên quan khác về CTĐT; yêu cầu của ngành đào tạo và mục tiêu, CDR đã xác định;

- Kết luận rõ một trong các nội dung sau: Hội đồng thông qua CTĐT, không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng thông qua CTĐT nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng không thông qua CTĐT và nêu lý do không thông qua.

b) Hội đồng thẩm định CTĐT chỉ họp khi có mặt của 4/5 số thành viên của Hội đồng (bao gồm chủ tịch, thư ký và tối thiểu 01 ủy viên phản biện). Kết luận của Hội đồng thẩm định CTĐT được ghi vào biên bản có hiệu lực khi 3/5 số thành viên theo danh sách của Hội đồng đồng ý (*xem Phụ lục 10.1 – Mẫu Biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT*).

Điều 30. Hồ sơ đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

Hồ sơ đánh giá và cải tiến chất lượng bao gồm:

1. Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo và CTĐT (*xem Phụ lục 4 – Mẫu CDR ngành đào tạo và Mẫu CDR của CTĐT*)

2. Chương trình đào tạo (*xem Phụ lục 5 – Mẫu CTĐT*)

3. Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của các học phần trong chương trình đào tạo (*xem Phụ lục 9 – Mẫu Ma trận tích hợp CDR của các học phần trong CTĐT*).

4. Bộ đề cương các học phần trong CTĐT (xem Phụ lục 8 – Mẫu Đề cương học phần)
5. Bảng đối chiếu CDR, CTĐT sửa đổi, bổ sung với CDR, CTĐT hiện hành và tham khảo (xem Phụ lục 7.2 – Bảng đối chiếu CDR và CTĐT sửa đổi, bổ sung với CDR và CTĐT hiện hành, tham khảo)

6. Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT, các Biên bản họp Hội đồng đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT; các Biên bản họp Hội đồng khoa/Hội đồng viện; Biên bản Hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan về CDR và CTĐT, các Phiếu nhận xét CDR và CTĐT của đại diện các bên tham gia Hội thảo; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT, Biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT, các Bản nhận xét CDR và CTĐT (xem Phụ lục 10.2) và các Phiếu thẩm định CTĐT (xem Phụ lục 10.3) của thành viên Hội đồng thẩm định CTĐT, Bản giải trình tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định CTĐT; Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT Trường, Nghị quyết của HĐT thông qua CTĐT.

7. Minh chứng về nhu cầu xã hội đối với ngành, CTĐT, bao gồm kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong cùng lĩnh vực ở địa phương, khu vực; kết quả điều tra ý kiến của cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động, dự báo nhu cầu nhân lực trong lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; ý kiến của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên về CDR và CTĐT.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Phòng QLĐT/Phòng QLSDH:

a) Là đơn vị đầu mối tham mưu cho BGH công tác xây dựng đề án mở ngành đào tạo, xây dựng CTĐT, đánh giá và cải tiến chất lượng trình độ đại học/trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

b) Phối hợp với đơn vị đào tạo và các đơn vị liên quan tổ chức xây dựng đề án mở ngành đào tạo, xây dựng CTĐT, đánh giá và cải tiến chất lượng trình độ đại học/trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

c) Lập kế hoạch, cung cấp tài liệu, mẫu biểu cần thiết, hướng dẫn các đơn vị đào tạo thực hiện thủ tục, quy trình mở ngành, xây dựng, đánh giá và cải tiến chất lượng;

d) Đôn đốc các đơn vị liên quan triển khai công việc theo kế hoạch;

đ) Chịu trách nhiệm báo cáo Vụ Giáo dục Đại học, lưu trữ hồ sơ và công khai thông tin về ngành đào tạo, CTĐT của tất cả các CTĐT trình độ đại học/trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trên website của Trường theo quy định tại Điều 32 Quy định này và các văn bản

pháp luật liên quan;

e) Cập nhật dữ liệu về ngành đào tạo, CTĐT lên phần mềm Quản lý đào tạo của Trường;

f) Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai quá trình đào tạo theo quy định của Trường.

2. Khoa, Viện quản lý ngành đào tạo/chuyên ngành đào tạo:

a) Phối hợp cùng Phòng QLĐT/Phòng QLSĐH và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm trực tiếp xây dựng đề án mở ngành đào tạo, xây dựng CTĐT, đánh giá và cải tiến chất lượng theo quy định;

b) Chịu trách nhiệm báo cáo Trường, lưu trữ hồ sơ và công khai thông tin về CTĐT của tất cả các CTĐT trình độ đại học/trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trên website của đơn vị theo quy định tại Điều 32 Quy định này và các văn bản pháp luật liên quan;

c) Xây dựng đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT được phân công quản lý, phân công giảng viên giảng dạy/quản lý học phần và đảm bảo các quy định khảo thí hiện hành.

3. Các bộ môn:

a) Xây dựng đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT được phân công quản lý; lấy xác nhận của Thư viện đối với danh mục tài liệu tham khảo của học phần theo quy định;

b) Phân công giảng viên giảng dạy học phần theo đúng quy định;

c) Đảm bảo các quy định khảo thí hiện hành.

4. Phòng KT&ĐBCLGD:

a) Phối hợp đơn vị đào tạo lập kế hoạch đảm bảo chất lượng khi triển khai các CTĐT;

b) Định kỳ tổ chức kiểm định chất lượng CTĐT và chuyển báo cáo của đoàn đánh giá ngoài về Phòng QLĐT, Phòng QLSĐH và các đơn vị đào tạo;

c) Tổ chức hoạt động khảo thí theo quyết định ban hành bộ đề cương chi tiết học phần trong CTĐT.

5. Thư viện:

a) Rà soát danh mục tài liệu tham khảo của các học phần theo đề xuất của các bộ môn, xác nhận danh mục tài liệu tham khảo để phục vụ xây dựng và rà soát đề cương chi tiết học phần;

b) Công khai thông tin đề cương chi tiết học phần và học liệu điện tử theo quy định tại Điều 32 Quy định này;

c) Phối hợp với các đơn vị đào tạo đề xuất Trường bổ sung hệ thống cơ sở dữ liệu quốc tế đáp ứng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 5.

6. Phòng Pháp chế - Thanh tra: Tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện hoạt động mở ngành đào tạo, việc thực hiện cam kết theo đề án mở ngành đào tạo và công tác bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 32. Chế độ báo cáo, lưu trữ và công khai thông tin

1. Chế độ báo cáo, lưu trữ và công khai thông tin đối với ngành đào tạo:

a) Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày Trường ban hành quyết định mở ngành đào tạo theo quy định, Phòng QLĐT/Phòng QLSĐH làm công văn trình BGH ký để báo cáo Bộ GD&ĐT về việc mở ngành đào tạo, kèm theo: Quyết định mở ngành đào tạo; Đề án mở ngành đào tạo; thông tin về địa chỉ truy cập website của Trường đã công khai các nội dung liên quan đến việc mở ngành đào tạo.

b) Đối với ngành đào tạo đã mở trình độ đại học: từ năm học thứ hai (kể từ khi ban hành quyết định mở ngành đào tạo) đến khi kết thúc khóa học đầu tiên, trước ngày bắt đầu năm học mới của từng năm học, Phòng QLĐT làm công văn trình BGH ký để báo cáo Bộ GD&ĐT việc Trường đã chuẩn bị đủ các điều kiện về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất để thực hiện CTĐT đối với ngành đào tạo đã mở theo kế hoạch, lộ trình đã cam kết trong đề án mở ngành của Trường, gồm các nội dung theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 6 Quy định này để phục vụ quản lý và công tác hậu kiểm (trừ trường hợp mở ngành ở trình độ đại học đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật hoặc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ).

c) Trước ngày 31/12 hằng năm, Phòng QLĐT/Phòng QLSĐH làm công văn trình BGH ký để báo cáo Bộ GD&ĐT quyết định mở ngành đào tạo đã hết hiệu lực (nếu có) của Trường, theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Quy định này để phục vụ công tác quản lý, bao gồm các nội dung: số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành quyết định; cơ quan ban hành quyết định; tên ngành; trình độ đào tạo; lý do quyết định mở ngành hết hiệu lực.

d) Phòng QLĐT/Phòng QLSĐH và đơn vị đào tạo có trách nhiệm lưu trữ và bảo quản hồ sơ mở ngành đào tạo, các tài liệu liên quan tới việc mở ngành đào tạo, các minh chứng kèm theo hồ sơ mở ngành đào tạo, bao gồm cả các minh chứng về việc đáp ứng các điều kiện mở ngành đào tạo, bảo đảm tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

e) Phòng QLĐT/Phòng QLSĐH chịu trách nhiệm công khai trên website của Trường và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học theo phân công cụ thể như sau:

- Công khai Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và định chỉ hoạt động ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường trên website của Trường ít nhất là 45 ngày trước khi tổ chức thực hiện;

- Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày ban hành quyết định mở ngành đào tạo hoặc nhận được quyết định cho phép mở ngành đào tạo của Bộ GD&ĐT phải công khai trên website của Trường các nội dung sau:

+ Quyết định mở ngành đào tạo;

+ Những nội dung cơ bản của đề án mở ngành đào tạo đã được phê duyệt, bao gồm: chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra và đề cương CTĐT; danh sách đội ngũ giảng viên

thực hiện CTĐT; danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH; dự kiến kế hoạch tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh; địa điểm đào tạo và danh sách các địa điểm thực hành, thực tập;

+ Cập nhật thông tin về mở ngành đào tạo, đề án mở ngành đào tạo của Trường vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học.

2. Chế độ báo cáo, lưu trữ và công khai thông tin đối với CTĐT:

a) Hàng năm, đơn vị đào tạo phối hợp Phòng QLĐT/Phòng QLSDH báo cáo về CTĐT theo hình thức văn bản và tệp tin để Trường cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, các yêu cầu cụ thể như sau:

- Thông tin chung về CTĐT bao gồm: tên CTĐT, địa điểm thực hiện CTĐT, yêu cầu tối thiểu để thực hiện CTĐT, tình trạng kiểm định chất lượng CTĐT;

- Tác động đánh giá chương trình và đánh giá CDR của các CTĐT đến cải tiến chất lượng của các CTĐT;

- Nguồn lực thực hiện chương trình bao gồm: phân tích số lượng và phân bổ giảng viên, giảng viên có trình độ chuyên môn liên quan đến ngành; ngân sách và nguồn kinh phí, cơ sở vật chất và thiết bị hỗ trợ đào tạo.

b) Phòng QLĐT/Phòng QLSDH và đơn vị đào tạo mỗi bên lưu trữ 01 bộ hồ sơ xây dựng/đánh giá và cải tiến chất lượng (đóng gáy xoắn).

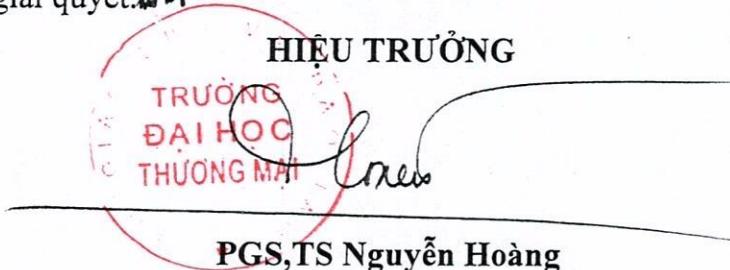
c) Phòng QLĐT/Phòng QLSDH chịu trách nhiệm công khai CDR, CTĐT trên website của Trường. Đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm công khai CDR, CTĐT trên website của đơn vị. Thư viện công khai đề cương chi tiết học phần, học liệu điện tử trên website của Thư viện.

Điều 33. Điều khoản thi hành

1. Quy định này thay thế Quy định xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 1699/QĐ-ĐHTM ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.

2. Quy định này có hiệu lực đối với các CTĐT áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2022.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo BGH (qua Phòng QLĐT/Phòng QLSDH) để kịp thời giải quyết.



CÁC CĂN CỨ THAM KHẢO

- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018.
- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.
- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Thông tư số 09/2022/TT-BGDDT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDDT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
- Thông tư số 23/2021/TT-BGDDT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.
- Thông tư số 18/2021/TT-BGDDT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.
- Thông tư số 17/2022/TT-BGDDT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
- Thông tư số 08/2021/TT-BGDDT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ đại học.
- Thông tư số 04/2016/TT-BGDDT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD.
- Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại.
- Nghị quyết số 60/NQ-HĐT ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng trường

Trường Đại học Thương mại về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại.

- Quyết định số 86/QĐ-ĐHTM ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Thương mại.

- Quyết định số 1316/QĐ-ĐHTM ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Thương mại.

- Quyết định số 1119/QĐ-ĐHTM ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

- Quyết định số 1699/QĐ-ĐHTM ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định về xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo.

- Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (2015), Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng cấp chương trình theo tiêu chuẩn AUN-QA phiên bản 3.0, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh dịch.

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

STT	Phụ lục	Nội dung
1.	Phụ lục 1.1	Mẫu Tờ trình đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo
2.	Phụ lục 1.2	Mẫu Tờ trình đề xuất xây dựng CTĐT
3.	Phụ lục 2.1	Mẫu Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT Trường thẩm định đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo
4.	Phụ lục 2.2	Mẫu Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT Trường/Thường trực Hội đồng KH&ĐT Trường thông qua đề xuất xây dựng CTĐT
5.	Phụ lục 2.3	Mẫu Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT Trường thông qua CTĐT
6.	Phụ lục 2.4	Mẫu Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT Trường thẩm định đề án mở ngành đào tạo
7.	Phụ lục 3.1	Mẫu Đề án xây dựng CTĐT
8.	Phụ lục 3.2	Mẫu Đề án mở ngành đào tạo
9.	Phụ lục 4.1	Mẫu CDR ngành đào tạo
10.	Phụ lục 4.2	Mẫu CDR của CTĐT
11.	Phụ lục 5.1	Mẫu CTĐT trình độ đại học
12.	Phụ lục 5.2	Mẫu CTĐT trình độ thạc sĩ
13.	Phụ lục 5.3	Mẫu CTĐT trình độ tiến sĩ
14.	Phụ lục 6.1	Mẫu Phiếu điều tra về CDR của CTĐT
15.	Phụ lục 6.2	Mẫu Phiếu điều tra về CTĐT
16.	Phụ lục 6.3	Mẫu Phiếu nhận xét CDR và CTĐT sử dụng cho Hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan
17.	Phụ lục 7.1	Bảng đổi chiêu CDR và CTĐT mới với CDR và CTĐT tham khảo
18.	Phụ lục 7.2	Bảng đổi chiêu CDR và CTĐT sửa đổi, bổ sung với CDR và CTĐT hiện hành, tham khảo
19.	Phụ lục 8.1	Mẫu Đề cương học phần lí thuyết+thực hành/lí thuyết+thảo luận
20.	Phụ lục 8.2	Mẫu Đề cương học phần thực hành
21.	Phụ lục 8.3	Mẫu Đề cương thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp
22.	Phụ lục 8.4	Mẫu Đề cương thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp
23.	Phụ lục 8.5	Mẫu Đề cương thực tập và viết báo cáo dự án nhóm
24.	Phụ lục 8.6	Mẫu Đề cương thực tập và viết luận văn tốt nghiệp
25.	Phụ lục 8.7	Mẫu Đề cương thực tập và viết đề án tốt nghiệp
26.	Phụ lục 8.8	Mẫu Biên bản xác nhận danh mục tài liệu tham khảo
27.	Phụ lục 9	Mẫu Ma trận tích hợp CDR của các học phần trong CTĐT

STT	Phụ lục	Nội dung
28.	Phụ lục 10.1a	Mẫu Biên bản họp hội đồng thẩm định đề án và CTĐT (đối với ngành mới mở)
29.	Phụ lục 10.1b	Mẫu Biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT
30.	Phụ lục 10.2	Mẫu Bản nhận xét CDR và CTĐT
31.	Phụ lục 10.3	Mẫu Phiếu thẩm định CTĐT
32.	Phụ lục 10.4	Mẫu Bản giải trình tiếp thu ý kiến Hội đồng thẩm định
33.	Phụ lục 11	Mẫu Lý lịch khoa học của giảng viên
34.	Phụ lục 12	Mẫu Phiếu tự đánh giá điều kiện xây dựng CTĐT
35.	Phụ lục 13	Mẫu Xác nhận điều kiện thực tế về mở ngành đào tạo
36.	Phụ lục 14	Mẫu Danh sách giảng viên tham gia mở ngành đào tạo
37.	Phụ lục 15	Mẫu Thông kê danh sách giảng viên chủ trì CTĐT và chủ trì các thành phần trong CTĐT
38.	Phụ lục 16.1	Mẫu Tờ trình đề nghị mở ngành đào tạo (đối với ngành đào tạo do Trường tự chủ mở ngành)
39.	Phụ lục 16.2	Mẫu Công văn đề nghị mở ngành đào tạo (đối với ngành đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định mở ngành)

Phu lục 1.1 - Mẫu tờ trình đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
KHOA/VIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo

Ngành đào tạo:	
Mã ngành:	
Chương trình đào tạo:	
Trình độ đào tạo:	

Kính gửi: - Ban Giám hiệu

- Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường

1. Sự cần thiết đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo

1.1. Căn cứ pháp lý

1.2. Căn cứ thực tiễn

Báo cáo phân tích, thuyết minh về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động hiện tại và hướng đến trong thời gian tới; phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, khảo sát yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực theo ngành đào tạo; phân tích xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của Trường, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước.

2. Năng lực của đơn vị đào tạo

Báo cáo phân tích, thuyết minh về năng lực hiện có đối với ngành và trình độ đào tạo đề xuất mở, bao gồm đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công nghệ học liệu, CTĐT, NCKH, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế.

3. Mục tiêu phát triển ngành đào tạo

3.1. Đề xuất thời điểm, chỉ tiêu, điều kiện và phương thức tuyển sinh

Thời điểm tuyển sinh: (Năm nào)

Đối tượng và điều kiện tuyển sinh:

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của

Trường Đại học Thương mại.

Chỉ tiêu tuyển sinh: Theo tổng chỉ tiêu của Nhà trường

Phương thức tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Thương mại.

3.2. Dự kiến quy mô đào tạo trong thời gian từ 05 đến 10 năm tới, chất lượng đào tạo, hiệu quả và tác động xã hội của ngành đào tạo

4. Giải pháp và lộ trình thực hiện

Báo cáo thuyết minh các giải pháp và lộ trình về xây dựng đề án mở ngành đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo, nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu, nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo, kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo.

4.1. Tóm tắt quá trình chuẩn bị xây dựng chương trình đào tạo của đơn vị

4.2. Giải pháp và lộ trình về kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu, nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo, kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo

5. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro

Báo cáo phân tích, thuyết minh dự báo các tình huống rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục; báo cáo phân tích cụ thể về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.

Khoa/Viện kính trình Ban Giám hiệu và Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo như nội dung nêu trên.

Xin trân trọng cảm ơn!

TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phu lục 1.2 – Mẫu tờ trình đề xuất xây dựng CTĐT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
KHOA/VIỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH
Về việc đề xuất xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo:	Tên tiếng Việt (Tên tiếng Anh)
Trình độ đào tạo:	
Ngành đào tạo:	
Mã ngành:	
Chuyên ngành đào tạo:	
Ngôn ngữ đào tạo:	

Kính gửi: - Ban Giám hiệu

- Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường

1. Căn cứ để đề xuất xây dựng chương trình đào tạo mới

1.1. Căn cứ pháp lý

1.2. Căn cứ thực tiễn

- Vai trò, ý nghĩa của ngành đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và khoa học và công nghệ

- Nhu cầu xã hội đối với nhân lực của ngành

- Sự phù hợp của ngành đào tạo và chương trình đào tạo với chức năng, nhiệm vụ, năng lực đào tạo của Trường và đơn vị quản lý chuyên ngành;

- Căn cứ báo cáo đánh giá ngoài và các kết quả khảo sát khác

- Căn cứ vào sứ mệnh và chiến lược phát triển của Trường

- Các luận cứ khác (nếu có).

2. Tình hình đào tạo ngành, chuyên ngành trên thế giới và ở Việt Nam

2.1. Trên thế giới

Minh chứng chương trình đào tạo của 3-5 trường đại học được xếp hạng thuộc danh sách 500 trường đại học tốt nhất thế giới theo đúng (hoặc gần đúng) ngành, chuyên ngành dự kiến xây dựng.

2.2. Ở Việt Nam

Minh chứng chương trình đào tạo của 3-5 trường đại học ở Việt Nam theo đúng (hoặc gần đúng) ngành, chuyên ngành dự kiến xây dựng.

3. Tóm tắt quá trình chuẩn bị xây dựng chương trình đào tạo của đơn vị

4. Đề xuất thời điểm, chỉ tiêu, điều kiện và phương thức tuyển sinh

Thời điểm tuyển sinh:

Đối tượng và điều kiện tuyển sinh:

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Thương mại

Chỉ tiêu tuyển sinh: Theo tổng chỉ tiêu của Nhà trường

Phương thức tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Thương mại.

Khoa/Viện kính trình Ban Giám hiệu và Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua đề xuất xây dựng chương trình đào tạo mới theo như nội dung nêu trên.

Xin trân trọng cảm ơn!

TRƯỜNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phu lục 2.1 - Mẫu Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT Trường thẩm định đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG
Thẩm định đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo..... trình độ.....

Thành phần:

Có mặt:

Vắng mặt:

Mời dự:

Chủ tọa:

Thư ký:

Thời gian:

Địa điểm:

NỘI DUNG CUỘC HỌP:

1. Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do và nội dung cuộc họp;
2. Đại diện đơn vị báo cáo tóm tắt về nội dung đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo..... trình độ..... (có Tờ trình đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo kèm theo);
3. Các ý kiến;
4. Sau khi trao đổi, thảo luận, Hội đồng KH&ĐT Trường quyết nghị:

- a) Đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo..... trình độ..... đã được xây dựng đảm bảo/không đảm bảo đầy đủ nội dung và chất lượng theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BGDDT, quy định của Trường và các quy định hiện hành của pháp luật.
- b) Một số vấn đề cần chỉnh sửa, bổ sung (nếu có)
- c) Với kết quả biểu quyết là...../...../.... đồng ý (đạt tỷ lệ.....% trên tổng số thành viên của Hội đồng KH&ĐT Trường theo danh sách), Hội đồng KH&ĐT Trường kết luận: Thông qua/Không thông qua đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo..... trình độ.....

Phiên họp kết thúc vào hồi

Thư ký Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phu lục 2.2 - Mẫu Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT Trường/Thường trực Hội đồng
KH&ĐT Trường thông qua đề xuất xây dựng CTĐT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG/
THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG**
Thông qua đề xuất xây dựng chương trình đào tạo..... trình độ.....

Thành phần:

Có mặt:

Vắng mặt:

Chủ tọa:

Thư ký:

Thời gian:

Địa điểm:

NỘI DUNG CUỘC HỌP:

1. Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do và nội dung cuộc họp;
2. Đại diện đơn vị báo cáo tóm tắt về nội dung đề xuất xây dựng chương trình đào tạo..... trình độ.....;
3. Các ý kiến:
4. Sau khi trao đổi, thảo luận, Hội đồng KH&ĐT Trường quyết nghị:
 - a) Đề xuất xây dựng chương trình đào tạo..... trình độ..... đảm bảo/không đảm bảo đầy đủ nội dung và chất lượng theo đúng các quy định của Thông tư 17/2021/TT-BGDDT, quy định của Trường và các quy định hiện hành của pháp luật.
 - b) Một số vấn đề cần chỉnh sửa, bổ sung (nếu có)
 - c) Với kết quả biểu quyết là...../...../.... đồng ý (đạt tỷ lệ.....% trên tổng số thành viên của Hội đồng KH&ĐT Trường theo danh sách), Hội đồng KH&ĐT Trường kết luận: Thông qua/Không thông qua đề xuất xây dựng chương trình đào tạo..... trình độ.....

Phiên họp kết thúc vào hồi

Thư ký Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
Thông qua chương trình đào tạo..... trình độ.....

Thành phần:

Có mặt:

Vắng mặt:

Chủ tọa:

Thư ký:

Thời gian:

Địa điểm:

NỘI DUNG CUỘC HỌP:

1. Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do và nội dung cuộc họp:

2. Báo cáo của Phòng Quản lý Đào tạo/Phòng Quản lý Sau đại học:

- Báo cáo tóm tắt về quá trình xây dựng và nội dung của chương trình đào tạo
- Báo cáo về việc rà soát và đánh giá hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ.....đã hoàn thiện và đảm bảo đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDDT, quy định của Trường và các quy định hiện hành của pháp luật hay không?

3. Các ý kiến:

4. Sau khi trao đổi, thảo luận, Hội đồng KH&ĐT Trường quyết nghị:

a) Chương trình đào tạo trình độ..... đáp ứng/không đáp ứng được các quy định của chuẩn chương trình đào tạo, quy chế tổ chức đào tạo hiện hành đối với các trình độ tương ứng; các quy định liên quan khác về chương trình đào tạo; yêu cầu của ngành đào tạo và mục tiêu, chuẩn đầu ra đã xác định.

b) Một số vấn đề cần chỉnh sửa, bổ sung (nếu có)

c) Với kết quả biểu quyết là....../...../....đồng ý (đạt tỷ lệ.....% trên tổng số thành viên của Hội đồng KH&ĐT Trường theo danh sách), Hội đồng KH&ĐT Trường kết luận: Thông qua/Không thông qua chương trình đào tạo..... trình độ.....

Phiên họp kết thúc vào hồi

Thư ký Hội đồng

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
Thẩm định đề án mở ngành đào tạo..... trình độ.....

Thành phần:

Có mặt:

Vắng mặt:

Chủ tọa:

Thư ký:

Thời gian:

Địa điểm:

NỘI DUNG CUỘC HỌP:

1. Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do và nội dung cuộc họp:

2. Báo cáo của Phòng Quản lý Đào tạo/Phòng Quản lý Sau đại học:

- Báo cáo tóm tắt về quá trình xây dựng và nội dung của Đề án mở ngành đào tạo

- Báo cáo về việc rà soát và đánh giá Đề án mở ngành đào tạo đã hoàn thiện và đảm bảo đáp ứng được các điều kiện mở ngành theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, quy định của Trường và các quy định khác của pháp luật hay không?

3. Các ý kiến:

4. Sau khi trao đổi, thảo luận, Hội đồng KH&ĐT Trường quyết nghị:

a) Đề án mở ngành đào tạo..... trình độ..... đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực tế, bao gồm:

- Điều kiện về tên ngành đào tạo

- Điều kiện về chương trình đào tạo

- Điều kiện về đội ngũ giảng viên

- Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện

- Điều kiện về khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy – học trực tuyến

- Điều kiện về công tác tổ chức quản lý đối với ngành đào tạo đề xuất mở.

b) Một số vấn đề cần chỉnh sửa, bổ sung (nếu có)

c) Với kết quả biểu quyết là...../...../....đồng ý (đạt tỷ lệ.....% trên tổng số thành viên của Hội đồng KH&ĐT Trường theo danh sách), Hội đồng KH&ĐT Trường kết luận: Trường đã có đủ điều kiện/Không đủ điều kiện để mở ngành đào tạo..... trình độ.....

Phiên họp kết thúc vào hồi

Thư ký Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
KHOA/VIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm

ĐỀ ÁN XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo:	
Mã ngành:	
Chương trình đào tạo:	

1. Sự cần thiết phải xây dựng đề án

1.1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Thương mại và đơn vị đào tạo

1.1.1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Thương mại

1.1.2. Giới thiệu khái quát về Khoa/Viện

- Quá trình hình thành và phát triển:
- Chức năng và nhiệm vụ:
- Cơ cấu tổ chức:
- Đội ngũ giảng viên:
- Các ngành, chuyên ngành đang quản lý và tham gia thực hiện chương trình đào tạo:
- Thành tích:

1.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

1.2.1. Căn cứ pháp lý

1.2.2. Căn cứ thực tiễn

- Vai trò, ý nghĩa của ngành đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và khoa học - công nghệ

- Nhu cầu xã hội đối với nhân lực của ngành
- Sự phù hợp của ngành và chương trình đào tạo với chức năng, nhiệm vụ, năng lực đào tạo của Trường và đơn vị quản lý chuyên ngành;
- Căn cứ báo cáo đánh giá ngoài và các kết quả khảo sát khác
- Căn cứ vào sứ mệnh và chiến lược phát triển của Trường
- Các luận cứ khác (nếu có).

2. Tóm tắt điều kiện xây dựng chương trình đào tạo

2.1. Năng lực của cơ sở đào tạo

2.1.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo của Khoa/ Viện

2.1.2. Đội ngũ giảng viên

- Tình hình đội ngũ viên chức của đơn vị:

- Đề xuất phương án nhân lực của đơn vị để đảm bảo điều kiện thực hiện chương trình đào tạo:

2.1.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, học liệu

2.1.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học

2.2. Tóm tắt chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo; thời điểm, đối tượng, điều kiện, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh

2.2.1. Khái quát chương trình đào tạo

- Tổng số tín chỉ tích lũy:

- Kiến thức giáo dục đại cương:

- Kiến thức cơ sở ngành:

- Kiến thức ngành và chuyên ngành:

- Kiến thức bổ trợ:

- Thực tập và làm tốt nghiệp khoá học:

2.2.2. Khung chương trình đào tạo

2.2.3. Kế hoạch đào tạo

2.2.4. Thời điểm, đối tượng, điều kiện, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh

3. Đề nghị và cam kết triển khai thực hiện của đơn vị đào tạo

3.1. Đề nghị của đơn vị đào tạo

Khoa/Viện..... đề nghị Trường Đại học Thương mại cho phép đào tạo chương trình trình độ từ năm

3.2. Cam kết triển khai thực hiện

Khoa/Viện..... cam kết đảm bảo các điều kiện để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ

Kính mong Trường xem xét và chấp thuận cho phép xây dựng chương trình đào tạo..... trình độ..... và tuyển sinh như đề xuất.

Xin trân trọng cảm ơn!

TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỜNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phu lục 3.2 - Mẫu Đề án mở ngành đào tạo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
KHOA/VIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ

Ngành đào tạo:	
Mã ngành:	

1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Thương mại và đơn vị đào tạo

1.1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Thương mại

1.2. Giới thiệu khái quát về Khoa/Viện

- Quá trình hình thành và phát triển:
- Chức năng và nhiệm vụ:
- Cơ cấu tổ chức:
- Đội ngũ giảng viên:
- Các ngành, chuyên ngành đang quản lý và tham gia thực hiện chương trình đào tạo:
- Thành tích:

2. Sự cần thiết phải xây dựng đề án

2.1. Căn cứ pháp lý

2.2. Căn cứ thực tiễn

- Vai trò, ý nghĩa của ngành đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và khoa học – công nghệ
 - Nhu cầu xã hội đối với nhân lực của ngành
 - Sự phù hợp của ngành và chương trình đào tạo với chức năng, nhiệm vụ, năng lực đào tạo của Trường và đơn vị quản lý chuyên ngành
 - Căn cứ báo cáo đánh giá ngoài và các kết quả khảo sát khác
 - Căn cứ vào sứ mệnh và chiến lược phát triển của Trường
 - Các luận cứ khác (nếu có).

3. Tóm tắt điều kiện xây dựng chương trình đào tạo

3.1. Đội ngũ giảng viên

- Tình hình đội ngũ giảng viên của cơ sở đào tạo và số lượng giảng viên tham gia ngành đào tạo.
- Đề xuất phương án nhân lực của đơn vị để đảm bảo điều kiện thực hiện chương trình đào tạo.

3.2. Tổ chức bộ máy quản lý

3.2.1. Giới thiệu khái quát về Khoa/Viện

- Quá trình hình thành và phát triển:
- Chức năng và nhiệm vụ:
- Cơ cấu tổ chức:
- Đội ngũ giảng viên:
- Các ngành, chuyên ngành đang quản lý và tham gia thực hiện chương trình đào tạo:
- Thành tích:

3.2.2. Giới thiệu khái quát về Phòng Quản lý Đào tạo/Phòng Quản lý sau đại học:

- Quá trình hình thành và phát triển:
- Chức năng và nhiệm vụ:
- Cơ cấu tổ chức:
- Đội ngũ giảng viên:
- Các ngành, chuyên ngành, chương trình đào tạo đang quản lý:
- Thành tích:

3.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, học liệu

3.3.1. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

3.3.2. Thư viện và học liệu

3.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học

4. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

4.1. Báo cáo phân tích tình hình phát triển kinh tế xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của cơ sở đào tạo và những nội dung khác có liên quan, từ đó dự báo các rủi ro có thể xảy ra khi mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo cùng các giải pháp chung để ngăn ngừa kịp thời nhằm hạn chế rủi ro cũng như đề xuất các phương án cụ thể mang tính chủ động để ngăn ngừa và xử lý khi rủi ro xảy ra;

4.2. Báo cáo thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, cơ sở đào tạo và các bên liên quan.

5. Tóm tắt chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo; thời điểm, đối tượng, điều kiện, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh

5.1. Khái quát chương trình đào tạo

- Tổng số tín chỉ tích lũy:
- Kiến thức giáo dục đại cương:
- Kiến thức cơ sở ngành:
- Kiến thức ngành và chuyên ngành:
- Kiến thức hỗ trợ:
- Thực tập và làm tốt nghiệp khoá học:

5.2. Khung chương trình đào tạo

5.3. Kế hoạch đào tạo

5.4. Thời điểm, đối tượng, điều kiện, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh

6. Đề nghị và cam kết triển khai thực hiện của đơn vị đào tạo

6.1. Đề nghị của đơn vị đào tạo

Khoa/Viện..... đề nghị Trường Đại học Thương mại cho phép đào tạo chương trình trình độ từ năm

6.2. Cam kết triển khai thực hiện

Khoa/Viện..... cam kết đảm bảo các điều kiện để duy trì ngành đào tạo..... và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.....trình độ.....

Kính mong Trường xem xét và chấp thuận cho phép tuyển sinh và đào tạo cử nhân..... ngành đào tạotrình độ.....theo như đề án.

Xin trân trọng cảm ơn!

TRƯỜNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phu lục 4.1 - Mẫu CDR ngành đào tạo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA/VIỆN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHTM ngày tháng ... năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Ngành đào tạo:	
Mã ngành:	

1. Mục tiêu của ngành đào tạo

- Mục tiêu chung:
 - Mục tiêu cụ thể: Kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, trình độ ngoại ngữ và tin học, vị trí làm việc sau tốt nghiệp,...

* Lưu ý: Mục tiêu của CTĐT phải được xác định rõ ràng; phải hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường; phải phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động và phải tương thích với CDR của CTĐT.

2. Yêu cầu về kiến thức

(PLO1):

(PLO2):

• • • • •

4. Yêu cầu về kỹ năng

5. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

6. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

* Lưu ý: - Mỗi ngành đào tạo không quá 15 CDR và CDR của ngành đào tạo phải bao
quát được CDR của CTĐT

- Đối với CDR trình độ thạc sĩ, chỉ có yêu cầu về kiến thức, thái độ, mức độ tự chủ và trách nhiệm và yêu cầu về ngoại ngữ.

- Đối với CDR trình độ tiến sĩ, chỉ có yêu cầu về kiến thức, thái độ, mức độ tự chủ và trách nhiệm.

7. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

8. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

8. Các chuẩn đầu ra đã tham khảo

9.1 Trong nước

Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành
Khung trình độ Quốc gia;

Các CĐR cùng ngành đào tạo trong nước.

9.2. Ngoài nước

Các CĐR cùng ngành đào tạo ở nước ngoài

* Lưu ý: *Tham khảo các CĐR cùng ngành đào tạo đã được kiểm định của các trường đại học trong nước và quốc tế (ghi rõ link tham khảo).*

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phu lục 4.2 - Mẫu CDR của CTĐT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
KHOA/VIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHTM ngày tháng năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Tên tiếng Việt (Tên tiếng Anh)
Trình độ đào tạo:	Đại học/Thạc sĩ/Tiến sĩ
Định hướng (chỉ áp dụng đối với trình độ thạc sĩ)	Nghiên cứu/Ứng dụng
Ngành đào tạo:	
Mã ngành:	
Chuyên ngành đào tạo:	
Ngôn ngữ đào tạo:	

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Mục tiêu chung:
- Mục tiêu cụ thể: Kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, trình độ ngoại ngữ và tin học, vị trí làm việc sau tốt nghiệp,...

* Lưu ý: Mục tiêu của CTĐT phải nêu rõ kỳ vọng của Trường về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp CTĐT; Phải thể hiện được định hướng đào tạo (định hướng nghiên cứu/ứng dụng/nghề nghiệp), đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan; Phải hướng phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của Trường, nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. Yêu cầu về kiến thức

(PLO1):

(PLO2):

.....

3. Yêu cầu về kỹ năng

4. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

5. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

* Lưu ý: - Mỗi CTĐT không quá 15 PLO ($n \leq 15$)

- Đối với CDR trình độ thạc sĩ, chỉ có yêu cầu về kiến thức, thái độ, mức độ tự chủ và trách nhiệm và yêu cầu về ngoại ngữ.

- Đối với CDR trình độ tiến sĩ, chỉ có yêu cầu về kiến thức, thái độ, mức độ tự chủ và trách nhiệm.

6. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

8. Các chương trình, chuẩn đầu ra đã tham khảo

8.1. Trong nước

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ Quốc gia;

- Các CTĐT, CDR tham khảo: Lưu ý tham khảo các CTĐT cùng trình độ cùng chuyên ngành và các CTĐT tương tự của các trường trong nước.

8.2. Ngoài nước

Các CTĐT, CDR tham khảo: Lưu ý tham khảo các CTĐT cùng trình độ cùng chuyên ngành và các CTĐT tương tự của các trường ở nước ngoài.

* Lưu ý: Tham khảo các CTĐT cùng ngành đào tạo đã được kiểm định của các trường đại học trong nước và quốc tế (ghi rõ link tham khảo).

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phu lục 5.1 - Mẫu CTĐT trình độ đại học

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-DHTM ngày tháng năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Tên tiếng Việt (Tên tiếng Anh)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	
Mã ngành:	
Chuyên ngành đào tạo:	
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt/ Tiếng Việt và Tiếng Anh/ Tiếng Anh

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo (chỉ áp dụng đối với các CTĐT sửa đổi, bổ sung trong đợt đánh giá tổng thể/giữa chu kỳ)

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Mục tiêu chung:

- Mục tiêu cụ thể: Kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, trình độ ngoại ngữ và tin học, vị trí làm việc sau tốt nghiệp,...

* Lưu ý: Mục tiêu của CTĐT phải nêu rõ kỳ vọng của Trường về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp CTĐT; Phải hiện được định hướng đào tạo (định hướng nghiên cứu/ứng dụng/nghề nghiệp), đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan; Phải hướng phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của Trường, nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Kiến thức

(PLO1):

(PLO2):

.....

3.2. Yêu cầu về kỹ năng

3.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

3.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

*Lưu ý: Mỗi CTĐT không quá 15 PLO ($n \leq 15$)

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

5. Đối tượng tuyển sinh

6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

7. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

8. Nội dung chương trình đào tạo

8.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã HP	Ngôn ngữ giảng dạy (áp dụng với CTĐT CLC, CTĐT tích hợp, CT ngoại ngữ)	Số TC	Cấu trúc
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				
1.1.	Giáo dục đại cương				
1.1.1	Các học phần bắt buộc				
1					
...					
1.1.2	Các học phần tự chọn				
	Chọn... TC trong các HP sau:				
1					
...					
1.2	Giáo dục thể chất				
1.2.1	Các học phần bắt buộc				
	Giáo dục thể chất chung				
1.2.2	Các học phần tự chọn				
	Chọn... TC trong các HP sau:				
1					
...					
1.3	Giáo dục quốc phòng – an ninh				
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				

2.1.	Kiến thức cơ sở ngành				
2.1.1.	Các học phần bắt buộc				
1					
...					
2.1.2	Các học phần tự chọn				
	<i>Chọn...TC trong các HP sau:</i>				
1					
...					
2.2.	Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)				
2.2.1.	Các học phần bắt buộc				
1					
...					
2.2.2.	Các học phần tự chọn				
	<i>Chọn...TC trong các HP sau:</i>				
1					
...					
2.3.	Kiến thức bổ trợ				
2.3.1.	Các học phần bắt buộc				
1					
...					
2.3.2.	Các học phần tự chọn				
	<i>Chọn...TC trong các HP sau:</i>				
1					
...					
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học				
2.4.1	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp/Thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm				
2.4.2	Thực tập và viết Khoa luận tốt nghiệp/Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp/Thực tập và viết Đề án tốt nghiệp				

Ghi chú:

- Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh. Trong 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp có tín chỉ bắt buộc và tín chỉ tự chọn.

- Các học phần có dấu * có tổ chức báo cáo thực tế.....

8.2. Mô tả các học phần (có phụ lục đính kèm)

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	Kỳ I	1. 2.	
2	Kỳ II	1. 2.	
3	Kỳ III		
4		

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(*Ban hành theo Quyết định số... /QĐ-DHTM ngày tháng năm.....
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại*)

Chương trình đào tạo:	Tên tiếng Việt (Tên tiếng Anh)
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Định hướng:	Nghiên cứu/Ứng dụng
Ngành đào tạo:	
Mã ngành:	
Chuyên ngành đào tạo:	

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo (chỉ áp dụng đối với các CTDT sửa đổi, bổ sung trong đợt đánh giá tổng thể/giữa chu kỳ)

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Mục tiêu chung:

- Mục tiêu cụ thể: Kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, trình độ ngoại ngữ, vị trí làm việc sau tốt nghiệp,...

* Lưu ý: Mục tiêu của CTDT phải nêu rõ kỳ vọng của Trường về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp CTDT; Phải hiện được định hướng đào tạo (định hướng nghiên cứu/ứng dụng/nghề nghiệp), đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan; Phải hướng phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của Trường, nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Kiến thức

(PLO1):

(PLO2):

.....

3.2. Yêu cầu về kỹ năng

3.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

3.4. Yêu cầu về ngoại ngữ

* Lưu ý: Mỗi CTDT không quá 15 PLO ($n \leq 15$)

4. Điều kiện dự tuyển
 5. Phương thức tuyển sinh
 6. Điều kiện tốt nghiệp
 7. Nội dung chương trình đào tạo
- 7.1. Khái quát chương trình:**

Tổng số tín chỉ tích luỹ:

Kiến thức chung:

Kiến thức ngành:

Kiến thức chuyên ngành

Thực tập/Chuyên đề nghiên cứu:

Đề án tốt nghiệp/Luận văn tốt nghiệp:

7.2. Khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã HP	Số TC	Cấu trúc
1	KIẾN THỨC CHUNG			
2	KIẾN THỨC NGÀNH			
2.1	Các học phần bắt buộc			
2.2	Các học phần tự chọn			
2.3	Chuyên đề thực tế 1 (chỉ áp dụng đối với CTĐT định hướng ứng dụng)			
3	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			
3.1	Các học phần bắt buộc			
3.2	Các học phần tự chọn			
3.3	Chuyên đề thực tế 2 (chỉ áp dụng đối với CTĐT định hướng ứng dụng)			
4	THỰC TẬP/CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU			
5	ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP/LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP			

7.3. Mô tả các học phần (có phụ lục đính kèm)

8. Kế hoạch đào tạo

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	Kỳ I	1. 2.	
2	Kỳ II	1. 2.	
3	Kỳ III		

4		
---	------	--	--

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-DHTM ngày tháng năm.....
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Tên tiếng Việt (Tên tiếng Anh)
Trình độ đào tạo:	Tiến sĩ
Ngành đào tạo:	
Mã ngành:	
Chuyên ngành đào tạo:	

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo (chỉ áp dụng đối với các CTĐT sửa đổi, bổ sung trong đợt đánh giá tổng thể/giữa chu kỳ)

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Mục tiêu chung:
- Mục tiêu cụ thể: Kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, vị trí làm việc sau tốt nghiệp,...

* Lưu ý: Mục tiêu của CTĐT phải nêu rõ kỳ vọng của Trường về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp CTĐT; Phải hiện được định hướng đào tạo (định hướng nghiên cứu/ứng dụng/nghề nghiệp), đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan; Phải phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của Trường, nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Kiến thức

(PLO1):

(PLO2):

.....

3.2. Yêu cầu về kỹ năng

3.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

*Lưu ý: Mỗi CTĐT không quá 15 PLO ($n \leq 15$)

4. Điều kiện dự tuyển

5. Phương thức tuyển sinh

6. Điều kiện tốt nghiệp

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1. Chương trình đào tạo cho NCS có bằng thạc sĩ:

STT	KIẾN THỨC/HỌC PHẦN	Số TC
1	Các học phần ở trình độ tiến sĩ	
1.1	Học phần 1	
1.2	Học phần 2	
1.3	Học phần 3: Kiến thức chuyên sâu phục vụ cho viết luận án tiến sĩ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Tiêu luận tổng quan	
2.2	Các chuyên đề tiến sĩ	
	Chuyên đề 1	
	Chuyên đề 2	
	Chuyên đề 3	
2.3	Đề tài nghiên cứu khoa học	
3	Luận án tiến sĩ	

7.2. Chương trình đào tạo cho NCS có bằng đại học:

STT	KIẾN THỨC/HỌC PHẦN	Số TC
1	Các học phần ở trình độ thạc sĩ cùng ngành đào tạo	
2	Các học phần ở trình độ tiến sĩ	
2.1	Học phần 1	
2.2	Học phần 2	
2.3	Học phần 3: Kiến thức chuyên sâu phục vụ cho viết luận án tiến sĩ	
3	Nghiên cứu khoa học	
3.1	Tiêu luận tổng quan	
3.2	Các chuyên đề tiến sĩ	
	Chuyên đề 1	
	Chuyên đề 2	
	Chuyên đề 3	
3.3	Đề tài nghiên cứu khoa học	
4	Luận án tiến sĩ	

7.3. Mô tả các học phần (có phụ lục đính kèm)

8. Kế hoạch đào tạo

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	Kỳ I	1. 2.	
2	Kỳ II	1. 2.	
3	Kỳ III		
4		

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
KHOA/VIỆN.....

PHIẾU ĐIỀU TRA VỀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Dành cho đơn vị/tổ chức có và sẽ tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp

Ý kiến của quý Ông (Bà) sẽ được sử dụng duy nhất vào mục đích nghiên cứu. Rất mong sự hợp tác quý Ông (Bà) và xin chân thành cảm ơn.

Mã số phiếu:

- Nếu rõ lý do, mục đích, mục tiêu xin ý kiến (nói rõ muốn thông tin gì ở người được hỏi?)

Ngày thu thập thông tin:...../...../.....

Phương pháp thu thập thông tin: Điện thoại Email Phỏng vấn trực tiếp

Phần 1- Thông tin chung về cơ quan/tổ chức/cá nhân cung cấp thông tin

A. Thông tin chung về người cung cấp thông tin

1. Họ và tên:.....

2. Năm sinh:..... Giới tính: Nam Nữ

3. Trình độ học vấn:

Tiến sĩ Thạc sĩ Cử nhân Khác

4. Nghề nghiệp:..... Chức vụ (nếu có):.....

5. Điện thoại:..... Email:.....

B. Thông tin chung về doanh nghiệp/tổ chức

6. Tên đơn vị/tổ chức:.....

7. Địa chỉ :.....

Điện thoại:Email:.....

8. Đơn vị/tổ chức thuộc thành phần/ngành nào?

Quản lý Nhà nước

Khu vực viện nghiên cứu, trường Đại học

Khu vực kinh tế Nhà nước

Khu vực kinh tế tư nhân

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài

Các tổ chức quốc tế, NGOs...

Thành phần khác.....

9. Tổng số nhân lực:

Dưới 30 30-99 100-300 Trên 300

10. Năm thành lập:.....

11. Đơn vị/tổ chức của quý Ông (Bà) cần nhân sự liên quan đến lĩnh vực (ngành đào tạo) ở các vị trí nào? Với từng vị trí đó, doanh nghiệp/tổ chức yêu cầu người xin việc phải có kiến thức và kỹ năng như thế nào?

STT	Vị trí – Phòng/ban	Yêu cầu		
		Về kiến thức	Về kỹ năng	Về mức độ tự chủ và trách nhiệm
1		
2		
...		

12. Theo quý Ông (Bà), sinh viên ngành ra trường có thể làm ở **những vị trí công tác cụ thể nào** (tương ứng với từng lĩnh vực mà Ông (Bà) đã lựa chọn ở trên?)

STT	Lĩnh vực	Vị trí công tác
1
2
....

Phần 2 - Đánh giá các kiến thức và kỹ năng cần có của sinh viên tốt nghiệp ngành.....

- *Đánh giá mức độ cần thiết của kiến thức và kỹ năng theo thang đo từ 1-5: 1: Không cần thiết; 2: Ít cần thiết; 3: Không biết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết;*

- *Đánh giá mức độ đạt được của kiến thức và kỹ năng theo thang đo từ 1-5: 1: Biết; 2: Tham gia; 3: Hiểu và giải thích; 4: Thực hành thành thạo; 5: Sáng tạo.*

13. Quý Ông (Bà) đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết của các kiến thức sau đây đối với sinh viên tốt nghiệp ngành.....? Theo Ông (Bà), sinh viên tốt nghiệp ngành đang làm việc ở doanh nghiệp/tổ chức của quý Ông (Bà) (*nếu có*) đã đạt được kiến thức này ở mức độ nào? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn).

STT	Các kiến thức	Mức độ cần thiết	Mức độ đạt được
1	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
2	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
3	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤

14. Ngoài các kiến thức đã được liệt kê trong câu hỏi 13, theo quý Ông (Bà), một sinh viên tốt nghiệp ngành cần có thêm các kiến thức nào?

Xin ghi rõ các kiến thức đó:

15. Quý Ông (Bà) đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết của các kỹ năng sau đây đối với sinh viên tốt nghiệp ngành? Theo Ông (Bà), sinh viên tốt nghiệp ngành đang làm việc ở doanh nghiệp/tổ chức của quý Ông (Bà) (*nếu có*) đã đạt được kỹ năng này ở mức độ nào? (*Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn*)

STT	Các kỹ năng	Mức độ cần thiết	Mức độ đạt được
1	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
2	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
3	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤

16. Ngoài các kỹ năng đã được liệt kê trong câu hỏi 15, theo quý Ông (Bà), một sinh viên tốt nghiệp ngành cần có thêm các kỹ năng nào?

Xin ghi rõ các kỹ năng đó:

17. Quý Ông (Bà) đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết của mức độ tự chủ và trách nhiệm sau đây đối với sinh viên tốt nghiệp ngành? Theo Ông (Bà), sinh viên tốt nghiệp ngành đang làm việc ở doanh nghiệp/tổ chức của quý Ông (Bà) (*nếu có*) đã đạt được mức độ tự chủ và trách nhiệm này ở mức độ nào? (*Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn*)

STT	Mức độ tự chủ và trách nhiệm	Mức độ cần thiết	Mức độ đạt được
1	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
2	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
3	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤

18. Ngoài các mức độ tự chủ và trách nhiệm đã được liệt kê trong câu hỏi 15, theo quý Ông (Bà), một sinh viên tốt nghiệp ngành cần có thêm các yêu cầu nào?

Xin ghi rõ các yêu cầu đó:

Xin chân thành cảm ơn!

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
KHOA/VIỆN.....**

PHIẾU ĐIỀU TRA VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Dành cho đơn vị/tổ chức có và sẽ tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp)

Ý kiến của quý Ông (Bà) sẽ được sử dụng duy nhất vào mục đích nghiên cứu. Rất mong sự hợp tác quý Ông (Bà) và xin chân thành cảm ơn.

Mã số phiếu:

- *Nêu rõ lý do, mục đích, mục tiêu xin ý kiến (nói rõ muốn thông tin gì ở người được hỏi?)*
Ngày thu thập thông tin:/...../.....

Phương pháp thu thập thông tin: Điện thoại Email Phỏng vấn trực tiếp

Phần 1- Thông tin chung về cơ quan/tổ chức/cá nhân cung cấp thông tin

A. Thông tin chung về người cung cấp thông tin

1. Họ và tên:.....
2. Năm sinh:..... Giới tính: Nam Nữ
3. Trình độ học vấn:

Tiến sĩ Thạc sĩ Cử nhân Khác

4. Nghề nghiệp:..... Chức vụ (nếu có):.....

5. Điện thoại:..... Email:.....

B. Thông tin chung về doanh nghiệp/tổ chứ

6. Tên đơn vị/tổ chức:.....

7. Địa chỉ :.....

Điện thoại: Email:.....

8. Đơn vị/tổ chức thuộc thành phần/ngành nào?

Quản lý Nhà nước

Khu vực viện nghiên cứu, trường Đại học

Khu vực kinh tế Nhà nước

Khu vực kinh tế tư nhân

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài

Các tổ chức quốc tế, NGOs...

Thành phần khác.....

9. Tổng số nhân lực:

Dưới 30 30-99 100-300 Trên 300

10. Năm thành lập:.....

11. Theo Ông (Bà), sinh viên tốt nghiệp ngành đang (hoặc sẽ) làm việc ở doanh nghiệp/tổ chức của quý Ông (Bà) đã (hoặc cần) lĩnh hội kiến thức từ các học phần trong chương trình đào tạo ở mức độ nào? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn)

Biết Hiểu Áp dụng linh hoạt
Phân tích và tổng hợp Đánh giá và sáng tạo

12. Ông (Bà) đánh giá những học phần dưới đây có cần thiết để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp/tổ chức về kiến thức và kỹ năng không? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn)

1: Không cần thiết; 2: Ít cần thiết; 3: Không biết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết

TT	Khối kiến thức	Các học phần	Số tín chỉ	Mức độ cần thiết
1	Khối đại cương:			① ② ③ ④ ⑤
2	Khối cơ sở ngành:			① ② ③ ④ ⑤
3	Khối ngành và chuyên ngành:			① ② ③ ④ ⑤
4	Khối bổ trợ:			① ② ③ ④ ⑤
5	Thực tập và làm tốt nghiệp			① ② ③ ④ ⑤

13. Theo Ông (Bà), nên bổ sung học phần nào dưới đây theo mức độ cần thiết vào chương trình đào tạo? (Khoanh tròn vào phương án lựa chọn)

1: Không cần thiết; 2: Ít cần thiết; 3: Không biết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết

STT	Các học phần	Số tín chỉ	Mức độ cần thiết
1			① ② ③ ④ ⑤
2			① ② ③ ④ ⑤
3			① ② ③ ④ ⑤
...			① ② ③ ④ ⑤

Xin chân thành cảm ơn!

Phu lục 6.3 - Mẫu Phiếu nhận xét CDR và CTĐT sử dụng cho Hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan

PHIẾU NHẬN XÉT CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo:

Ngành đào tạo:

Mã số:

Chuyên ngành:

Trình độ đào tạo:

Họ và tên người nhận xét:

Vị trí công tác:

Đơn vị công tác:

TT	Nội dung nhận xét	Ý kiến nhận xét	Kết luận (Đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo		
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo		
3	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Cân làm rõ sự phù hợp và mức độ đáp ứng của CDR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm với yêu cầu tuyển dụng, sử dụng lao động; với yêu cầu của vị trí việc làm và cơ hội phát triển nghề nghiệp)		
4	Cấu trúc chương trình đào tạo (Cân làm rõ sự hợp lý của các học phần đưa vào trong CTĐT, trong việc sắp xếp các khối kiến thức; tỷ lệ giữa các khối kiến thức, tỷ lệ giữa các học phần tự chọn và bắt buộc trong CTĐT)		
5	Nội dung của chương trình đào tạo (Cân làm rõ mức độ đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước)		

6	Chương trình đào tạo (<i>các nội dung và các học phần trong CTĐT</i>) có hướng tới chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo hay không		
---	--	--	--

Những ý kiến khác:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Kết luận chung (*cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa; những nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa*):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Hà Nội, ngày tháng năm

Người nhận xét

(ký và ghi rõ họ tên)

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
KHOA/VIỆN.....**

**BẢNG ĐỐI CHIẾU CHUẨN ĐẦU RA VÀ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO MỚI VỚI CHUẨN ĐẦU RA
VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO**

Chương trình đào tạo:	Tên tiếng Việt (Tên tiếng Anh)
Trình độ đào tạo:	
Ngành đào tạo:	
Mã ngành:	
Chuyên ngành đào tạo:	

Tiêu chí	Quy định chung	CTĐT tham khảo	CTĐT mới
1. Mục tiêu đào tạo			
- Mục tiêu chung			
- Mục tiêu cụ thể			
2. Thời gian đào tạo			
3. Khối lượng kiến thức toàn khoá (tính bằng TC)			
4. Cấu trúc CTĐT			
- Khối đại cương			
- Khối cơ sở ngành			
- Khối ngành, chuyên ngành			
- Khối hỗ trợ			
- Các học phần bắt buộc			
- Các học phần tự chọn			
5. Thực tập và làm tốt nghiệp			
khóa học			

* Lưu ý: Đối chiếu chương trình đào tạo mới với Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và các Quy định khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TRƯỜNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phu lục 7.2 - Bảng đối chiếu CDR và CTĐT sửa đổi, bổ sung với CDR và CTĐT hiện hành, tham khảo

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
KHOA/VIỆN.....**

**BẢNG ĐỐI CHIẾU CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VỚI CHUẨN ĐẦU RA VÀ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO HIỆN HÀNH, THAM KHẢO**

Chương trình đào tạo:	
Trình độ đào tạo:	
Ngành đào tạo:	
Mã ngành:	
Chuyên ngành đào tạo:	
Ngôn ngữ đào tạo:	

Tiêu chí	Khung trình độ quốc gia Việt Nam	CTĐT hiện hành	CTĐT tham khảo	CTĐT sửa đổi, bổ sung
1. Mục tiêu đào tạo				
- Mục tiêu chung				
- Mục tiêu cụ thể				
Chuẩn đầu ra				
- Yêu cầu về kiến thức				
- Yêu cầu về kỹ năng				
- Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm				
- Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học				
3. Thời gian đào tạo				
4. Khối lượng kiến thức toàn khoá				
5. Cấu trúc CTĐT				
- Khối đại cương				
- Khối cơ sở ngành				
- Khối ngành, chuyên ngành				
- Khối hỗ trợ				
- Các học phần bắt buộc				
- Các học phần tự chọn				

Tiêu chí	Khung trình độ quốc gia Việt Nam	CTĐT hiện hành	CTĐT tham khảo	CTĐT sửa đổi, bổ sung
- Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học				

TRƯỜNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần:

Trình độ đào tạo: Đại học/Thạc sĩ/Tiến sĩ

1. Tên học phần (tiếng Việt):

Tên học phần (tiếng Anh):

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: (VD: 2(24,12))

Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học. Để học được học phần này, mỗi tín chỉ, người học phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân (giờ tự học).

4. Cấu trúc:

- | | |
|---|------------------------|
| - Giờ lý thuyết: | - Giờ thảo luận: |
| - Giờ thực hành: | - Giờ báo cáo thực tế: |
| - Giờ tự học: [= 50 giờ * số tín chỉ - (Giờ LT + Giờ TL/TH + Giờ BCTT)] | |

5. Điều kiện của học phần

- | | |
|------------------------|--------|
| - Học phần tiên quyết: | Mã HP: |
| - Học phần học trước: | Mã HP: |
| - Học phần song hành: | Mã HP: |
| - Điều kiện khác: | |

6. Mục tiêu của học phần

7. Chuẩn đầu ra của học phần

(CLO1):

(CLO2):

....

* Lưu ý: - Mỗi HP có từ 3-5 CLO, viết ngắn gọn và không tách các nhóm CDR kiến thức, kỹ năng,...

- Đảm bảo tương thích với CDR và khớp với ma trận tích hợp CDR của CTĐT.

8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

- Tiếng Việt:

- Tiếng Anh:

9. Cán bộ giảng dạy học phần

9.1. CBGD cơ hữu:

9.2. CBGD kiêm nhiệm:

9.3. CBGV thỉnh giảng:

- PGS, TS Nguyễn Văn A, Trường Đại học B
- TS. Nguyễn Văn C, Trường Đại học D

9.4. Chuyên gia thực tế:

- TS Nguyễn Văn A, Công ty....
- ThS Nguyễn Văn C, Công ty....
-

* Lưu ý: Mỗi học phần có tối thiểu 2 giảng viên giảng dạy

10. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Liên quan đến CDR của HP	Hướng dẫn đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần theo quy định của khảo thí. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

* Lưu ý: Đính kèm Rubric đánh giá (nếu có).

11. Danh mục tài liệu tham khảo của học phần

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
Sách giáo trình, sách tham khảo				
2				
3				
Các website, phần mềm,...				
4.				
5.				

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần

STT	Các nội dung cơ bản theo	Phân bổ thời gian	CDR của	Phương pháp	Hoạt động	Tài liệu

	chương, mục (đến 3 chữ số)	LT	TL/TH	BCTT	KT	chương	giảng dạy	học của SV	tham khảo

Ghi chú:

1. Hướng dẫn thực hiện giờ thảo luận:

- Trong giờ thảo luận có giờ dự giảng thảo luận trên lớp và giờ hướng dẫn làm bài thảo luận trực tuyến. Giảng viên có thể lựa chọn phương tiện hướng dẫn phù hợp điều kiện thực tế.

- Giờ hướng dẫn làm bài thảo luận trực tuyến nhằm giúp các nhóm thảo luận có bài thảo luận hoàn chỉnh trước khi thực hiện giờ thảo luận trên lớp. Giờ hướng dẫn làm bài thảo luận trực tuyến bao gồm các công việc: Hướng dẫn đề cương bài thảo luận, hướng dẫn tìm tài liệu tham khảo, góp ý bản thảo bài thảo luận, giải đáp thắc mắc,... (*có minh chứng bản sửa đề cương và bản sửa bài thảo luận*).

2. Hướng dẫn thực hiện giờ thực hành:

- Trong giờ thực hành có giờ dự giảng thực hành trên lớp và giờ hướng dẫn làm bài tập nhóm trực tuyến. Giảng viên có thể lựa chọn phương tiện hướng dẫn phù hợp điều kiện thực tế.

- Giờ hướng dẫn làm bài tập nhóm trực tuyến nhằm giúp các nhóm củng cố kiến thức và thực hành nhuần nhuyễn. Giờ hướng dẫn làm bài tập nhóm trực tuyến bao gồm các công việc: Hướng dẫn làm bài tập, hướng dẫn tìm tài liệu tham khảo, giải đáp thắc mắc... (*có minh chứng bài tập thực hành nhóm*).

3. Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp, hoặc trực tuyến, hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

Ngày tháng năm 20....

TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS,TS Nguyễn Văn A

PGS,TS Nguyễn Văn B

HIỆU TRƯỞNG

* Lưu ý: Đề cương học phần nộp kèm Biên bản xác nhận danh mục tài liệu tham khảo của Thư viện (Mẫu 8.8)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
BỘ MÔN:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần:

Trình độ đào tạo: Đại học/Thạc sĩ/Tiến sĩ

1. Tên học phần (tiếng Việt):

Tên học phần (tiếng Anh):

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: (VD: 2(0,60))

Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học. Để học được học phần này, mỗi tín chỉ, người học phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân (giờ tự học).

4. Cấu trúc

- Giờ lý thuyết:

- Giờ thảo luận:

- Giờ thực hành:

- Giờ báo cáo thực tế:

- Giờ tự học: (= 50 giờ * số tín chỉ - Giờ TH)

5. Điều kiện của học phần

- Học phần tiên quyết:

Mã HP:

- Học phần học trước:

Mã HP:

- Học phần song hành:

Mã HP:

- Điều kiện khác:

6. Mục tiêu của học phần:

7. Chuẩn đầu ra của học phần

(CLO1):

(CLO2):

....

* Lưu ý: - Mỗi HP có từ 3-5 CLO, viết ngắn gọn và không tách các nhóm CDR kiến thức, kỹ năng, ...

- Đảm bảo tương thích với CDR và khớp với ma trận tích hợp CDR của CTĐT.

8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

- Tiếng Việt:

- Tiếng Anh:

9. Cán bộ giảng dạy học phần

9.1. CBGD cơ hữu:

9.2. CBGD kiêm nhiệm:

9.3. CBGV thỉnh giảng:

- PGS, TS Nguyễn Văn A, Trường Đại học B
- TS. Nguyễn Văn C, Trường Đại học D

9.4. Chuyên gia thực tế:

- TS Nguyễn Văn A, Công ty....
- ThS Nguyễn Văn C, Công ty....

....

* Lưu ý: Mỗi học phần có tối thiểu 2 giảng viên giảng dạy

10. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Liên quan đến CDR của HP	Hướng dẫn đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần theo quy định của khảo thí. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

* Yêu cầu: Đính kèm Rubric đánh giá (nếu có).

11. Danh mục tài liệu tham khảo của học phần

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB

Giáo trình chính

Sách giáo trình, sách tham khảo

2			
3			

Các website, phần mềm,...

4.		
5.		

12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần

TT	Các nội dung cơ bản theo chương (bài), mục	Phân bổ thời	CDR của	Phương pháp	Hoạt động học	Tài liệu tham

	(đến 3 chữ số)	gian		chương /bài	giảng dạy	của SV	khảo
		TH	KT				

* Lưu ý:

1. Hướng dẫn thực hiện giờ thực hành:

- Trong giờ thực hành có giờ dự giảng thực hành và giờ hướng dẫn làm bài báo cáo trực tuyến. Giảng viên có thể lựa chọn phương tiện hướng dẫn phù hợp điều kiện thực tế.

- Giờ hướng dẫn làm bài báo cáo trực tuyến nhằm giúp các nhóm hoàn chỉnh bài báo cáo. Giờ hướng dẫn làm bài báo cáo trực tuyến bao gồm các công việc: Hướng dẫn đề cương bài báo cáo, hướng dẫn tìm/cung cấp tài liệu tham khảo, góp ý bản thảo bài báo cáo, giải đáp thắc mắc,... (có minh chứng bản sửa đề cương và bản sửa bài báo cáo).

2. Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp, hoặc trực tuyến, hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

TRƯỜNG KHOA/VIỆN TRƯỜNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS,TS Nguyễn Văn A

Ngày tháng năm 20....
TRƯỜNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS,TS Nguyễn Văn B

HIỆU TRƯỜNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

* Lưu ý: Đề cương học phần nộp kèm Biên bản xác nhận danh mục tài liệu tham khảo của Thư viện (Mẫu 8.8)

Phu lục 8.3 - Mẫu Đề cương thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
KHOA/VIỆN:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp

Trình độ đào tạo: Đại học

1.Tên học phần (tiếng Việt): Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp

Tên học phần (tiếng Anh): The general internship report

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ : 3

Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học. Để học được học phần này, mỗi tín chỉ, người học phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân (giờ tự học).

4. Cấu trúc: (0,90)

Giờ lý thuyết:

Giờ thảo luận:

Giờ thực hành: 90

Giờ báo cáo thực tế:

Giờ tự học: 60

5. Điều kiện của học phần

Học phần tiên quyết:

Mã HP:

Học phần học trước:

Mã HP:

Học phần song hành:

Mã HP:

Điều kiện khác:

6. Mục tiêu của học phần

7. Chuẩn đầu ra của học phần

(CLO1):

(CLO2):

....

* Lưu ý: - Mỗi HP có từ 3-5 CLO, viết ngắn gọn và không tách các nhóm CDR kiến thức, kỹ năng,...

- Đảm bảo tương thích với CDR và khớp với ma trận tích hợp CDR của CTĐT.

8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

- Tiếng Việt:

- Tiếng Anh:

9. Cán bộ giảng dạy học phần

9.1. CBGD cơ hữu:

9.2. CBGD kiêm nhiệm:

9.3. CBGD thỉnh giảng:

9.4. Chuyên gia thực tế:

10. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Liên quan đến CDR của HP	Hướng dẫn đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm chấm báo cáo thực tập	1	Báo cáo thực tập tổng hợp				

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần theo quy định của khảo thí. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Ngày....tháng....năm....

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC: RUBRIC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC PHẦN

1 Rubric đánh giá nội dung báo cáo

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
		Mức F (0-3,9 điểm)	Mức D (4,0-5,4 điểm)	Mức C (5,5-6,9 điểm)	Mức B (7,0-8,4 điểm)	Mức A (8,5-10 điểm)	
Báo cáo thực tập tổng hợp	Hình thức bài báo cáo						
	Nội dung bài báo cáo						

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên học phần (tiếng Việt): Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp

Tên học phần (tiếng Anh): Graduation Thesis

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 7

Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học. Để học được học phần này, mỗi tín chỉ, người học phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân (giờ tự học).

4. Cấu trúc: (0,210)

Giờ lý thuyết:

Giờ thảo luận:

Giờ thực hành: 210

Giờ báo cáo thực tế:

Giờ tự học: 140

5. Điều kiện của học phần

Học phần tiên quyết:

Mã HP:

Học phần học trước:

Mã HP:

Học phần song hành:

Mã HP:

Điều kiện khác:

6. Mục tiêu của học phần

7. Chuẩn đầu ra của học phần

(CLO1):

(CLO2):

....

* Lưu ý: - Mỗi HP có từ 3-5 CLO, viết ngắn gọn và không tách các nhóm CDR kiến thức, kỹ năng, ...

- Đảm bảo tương thích với CDR và khớp với ma trận tích hợp CDR của CTĐT.

8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

- Tiếng Việt:

- Tiếng Anh:

9. Cán bộ giảng dạy học phần

9.1. CBGD cơ hữu:

9.2. CBGD kiêm nhiệm:

9.3. CBGD thỉnh giảng:

9.4. Chuyên gia thực tế:

10. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Liên quan đến CDR của HP	Hướng dẫn đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm chấm KLTN	1	Khóa luận tốt nghiệp				

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần theo quy định của khảo thí. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng....năm.....
TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC: RUBRIC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC PHẦN

1. Rubric đánh giá nội dung khóa luận

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
		Mức F (0-3,9 điểm)	Mức D (4,0-5,4 điểm)	Mức C (5,5-6,9 điểm)	Mức B (7,0-8,4 điểm)	Mức A (8,5-10 điểm)	
Điểm chấm KLTN	Hình thức khóa luận						
	Nội dung khóa luận						

2. Rubric đánh giá điểm thưởng: Theo quy định chung của nhà trường áp dụng đối với sinh viên có đề tài NCKH. Điểm KLTN sau khi cộng điểm thưởng NCKH không vượt quá 10.

Phu lục 8.5 - Mẫu Đề cương thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
KHOA/VIỆN:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Thực tập và viết báo cáo dự án nhóm

Trình độ đào tạo: Đại học

1.Tên học phần (tiếng Việt): Thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm

Tên học phần (tiếng Anh): Internship project report

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 3

Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học. Để học được học phần này, mỗi tín chỉ, người học phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân (giờ tự học).

4. Cấu trúc: (0,90)

Giờ lý thuyết:

Giờ thảo luận:

Giờ thực hành: 90

Giờ báo cáo thực tế:

Giờ tự học: 60

5. Điều kiện của học phần

Học phần tiên quyết:

Mã HP:

Học phần học trước:

Mã HP:

Học phần song hành:

Mã HP:

Điều kiện khác:

6. Mục tiêu của học phần

5. Điều kiện của học phần

Học phần tiên quyết:

Mã HP:

Học phần học trước:

Mã HP:

Học phần song hành:

Mã HP:

Điều kiện khác:

6. Mục tiêu của học phần

7. Chuẩn đầu ra của học phần

(CLO1):

(CLO2):

....

* Lưu ý: - Mỗi HP có từ 3-5 CLO, viết ngắn gọn và không tách các nhóm CDR kién

thức, kỹ năng, ...

- Đảm bảo tương thích với CDR và khớp với ma trận tích hợp CDR của CTĐT.

8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

- Tiếng Việt:

- Tiếng Anh:

9. Cán bộ giảng dạy học phần

9.1. CBGD cơ hữu:

9.2. CBGD kiêm nhiệm:

9.3. CBGD thỉnh giảng:

9.4. Chuyên gia thực tế:

10. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Liên quan đến CDR của HP	Hướng dẫn đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm chấm báo cáo dự án nhóm	1	Báo cáo dự án nhóm				

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần theo quy định của khảo thí. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm 20..
TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC: RUBRIC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC PHẦN

1 Rubic đánh giá nội dung báo cáo dự án nhóm

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
		Mức F (0-3,9 điểm)	Mức D (4,0-5,4 điểm)	Mức C (5,5-6,9 điểm)	Mức B (7,0-8,4 điểm)	Mức A (8,5-10 điểm)	
Điểm	Hình thức bài báo cáo						0,1

chấm báo cáo dụ án nhóm	<i>Nội dung bài báo cáo Ý thức, thái độ</i>							0,7
								0,2

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên học phần (tiếng Việt): Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp

Tên học phần (tiếng Anh): Graduation Thesis

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 7

Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học. Để học được học phần này, mỗi tín chỉ, người học phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân (giờ tự học).

4. Cấu trúc: (0,210)

Giờ lý thuyết:

Giờ thảo luận:

Giờ thực hành: 210

Giờ báo cáo thực tế:

Giờ tự học: 140

5. Điều kiện của học phần

Học phần tiên quyết:

Mã HP:

Học phần học trước:

Mã HP:

Học phần song hành:

Mã HP:

Điều kiện khác:

6. Mục tiêu của học phần

7. Chuẩn đầu ra của học phần

(CLO1):

(CLO2):

....

* Lưu ý: - Mỗi HP có từ 3-5 CLO, viết ngắn gọn và không tách các nhóm CDR kiến thức, kỹ năng, ...

- Đảm bảo tương thích với CDR và khớp với ma trận tích hợp CDR của CTĐT.

8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

- Tiếng Việt:

- Tiếng Anh:

9. Cán bộ giảng dạy học phần

9.1. CBGD cơ hữu:

9.2. CBGD kiêm nhiệm:

9.3. CBGD thỉnh giảng:

9.4. Chuyên gia thực tế:

10. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Liên quan đến CDR của HP	Hướng dẫn đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm chấm LVTN	1	Luận văn tốt nghiệp				

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần theo quy định của khảo thí. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Ngày... tháng... năm.....

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC: RUBRIC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC PHẦN

1. Rubric đánh giá nội dung luận văn

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
		Mức F (0-3,9 điểm)	Mức D (4,0-5,4 điểm)	Mức C (5,5-6,9 điểm)	Mức B (7,0-8,4 điểm)	Mức A (8,5-10 điểm)	
Luận văn tốt nghiệp	Hình thức bài luận văn						0,1
	Nội dung luận văn						0,7

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
		Mức F (0-3,9 điểm)	Mức D (4,0-5,4 điểm)	Mức C (5,5-6,9 điểm)	Mức B (7,0-8,4 điểm)	Mức A (8,5-10 điểm)	
	<i>Thuyết trình</i>						0,1
	<i>Trả lời câu hỏi</i>						0,1

2. Rubric đánh giá điểm thưởng: Theo quy định chung của nhà trường áp dụng đối với sinh viên có đề tài NCKH. Điểm LVTN sau khi cộng điểm thưởng không vượt quá 10.

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần: Thực tập và viết Đề án tốt nghiệp

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Tên học phần (tiếng Việt): Thực tập và viết Đề án tốt nghiệp

Tên học phần (tiếng Anh): Graduated Report

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ : 7 (0,210)

Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học. Để học được học phần này, mỗi tín chỉ, người học phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân (giờ tự học).

4. Cấu trúc:

Giờ lý thuyết:

Giờ thảo luận:

Giờ thực hành: 210

Giờ báo cáo thực tế:

Giờ tự học: 140

5. Điều kiện của học phần

Học phần tiên quyết:

Mã HP:

Học phần học trước:

Mã HP:

Học phần song hành:

Mã HP:

Điều kiện khác:

6. Mục tiêu của học phần

7. Chuẩn đầu ra của học phần

(CLO1):

(CLO2):

....

* Lưu ý: - Mỗi HP có từ 3-5 CLO, viết ngắn gọn và không tách các nhóm CDR kiến thức, kỹ năng, ...
- Đảm bảo tương thích với CDR và khớp với ma trận tích hợp CDR của CTĐT.

8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

- Tiếng Việt:

- Tiếng Anh:

9. Cán bộ giảng dạy học phần

9.1. CBGD cơ hữu:

9.2. CBGD kiêm nhiệm:

9.3. CBGD thỉnh giảng:

9.4. Chuyên gia thực tế:

10. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Liên quan đến CDR của HP	Hướng dẫn đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Điểm chấm Đề án tốt nghiệp	1	Đề án tốt nghiệp				

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần theo quy định của khảo thí. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm 20..
TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC: RUBRIC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC PHẦN

1. Rubric đánh giá nội dung đề án

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
		Mức F (0-3,9 điểm)	Mức D (4,0-5,4 điểm)	Mức C (5,5-6,9 điểm)	Mức B (7,0-8,4 điểm)	Mức A (8,5-10 điểm)	
<i>Hình thức đề án</i>							
	<i>Nội dung đề án</i>						

2. Rubric đánh giá điểm thưởng: Theo quy định chung của nhà trường áp dụng đối với sinh viên có đề tài NCKH. Điểm LVTN sau khi cộng điểm thưởng không vượt quá 10.

Phu lục 8.8 - Mẫu Biên bản xác nhận danh mục tài liệu tham khảo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
Khoa/Viện/Bộ môn:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Danh mục tài liệu tham khảo của học phần: (điền tên HP, mã HP)

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB	Ký hiệu thư viện
Giáo trình chính					
1					
Sách giáo trình, sách tham khảo					
2					
3					

2. Danh mục tài liệu tham khảo của học phần: (điền tên HP, mã HP)

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB	Ký hiệu thư viện
Giáo trình chính					
1					
Sách giáo trình, sách tham khảo					
2					
3					

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

XÁC NHẬN CỦA THƯ VIỆN

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG KHOA/VIỆN/BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

* Lưu ý:

- Danh mục sách tham khảo phải đảm bảo chính xác về số lượng, thứ tự liệt kê, thông tin như trong Đề cương học phần tương ứng.
- Thư viện chỉ kí xác nhận khi kiểm tra chính xác tất cả các thông tin trong biên bản và tài liệu tham khảo thực tế của Thư viện.

Phu lục 9 - Mẫu Ma trận tích hợp CDR của các học phần trong CTĐT

**MA TRẬN TÍCH HỢP CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Chương trình đào tạo:	Tên tiếng Việt (Tên tiếng Anh)
Trình độ đào tạo:	
Ngành đào tạo:	
Mã ngành:	
Chuyên ngành đào tạo:	

1. Mã hóa các chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo

STT	Chuẩn đầu ra	Mã chuẩn đầu ra
1	Chuẩn đầu ra thứ 1	PLO1
2	Chuẩn đầu ra thứ 2	PLO2
3		
4		
5		
6		
7		
8		
n	Chuẩn đầu ra thứ n	PLOn

Ghi chú: PLO là viết tắt của Program Learning Outcome

2. Ma trận chuẩn đầu ra – học phần trong chương trình đào tạo

CĐR Học phần	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15

Ghi chú:

I (Introduced): Học phần hỗ trợ người học đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced): Học phần hỗ trợ người học đạt được PLO ở mức nâng cao hơn

M (Mastered): Học phần hỗ trợ người học đạt được PLO ở mức thành thạo

A (Assessed): Học phần cốt lõi cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO

Lưu ý:

Ma trận tích hợp các chuẩn đầu ra của các học phần trong CTĐT bao gồm tất cả các HP trong CTĐT (tất cả các học phần tự chọn) và ghi rõ mức độ đo lường CDR (I, R, M, A) 6 học phần đánh giá chuẩn đầu ra Lí luận chính trị và pháp luật để mức R, A

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH VÀ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....TRÌNH ĐỘ**

Tên chương trình đào tạo:

Ngành đề xuất mở:

Mã số:

Trình độ đào tạo:

Hôm nay, vào lúc ngày tháng năm, tại Trường Đại học Thương mại, Hội đồng thẩm định đề án mở ngành.... và chương trình đào tạo trình độ đã họp, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định:

1			Chủ tịch
2			Phản biện 1
3			Phản biện 2
4			Ủy viên
5			Ủy viên Thư ký

Có mặt:

Vắng mặt:

II. Nội dung

- Ủy viên Thư ký đọc Quyết định thành lập Hội đồng.
- Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do, mục đích và thống nhất các yêu cầu, tiêu chí thẩm định.
- Trưởng đơn vị có CTĐT được thẩm định thay mặt Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo và xây dựng chương trình đào tạo..... báo cáo các nội dung cơ bản của đề án và chương trình đào tạo.
- Các thành viên Hội đồng nhận xét góp ý.
- Hội đồng thảo luận, thống nhất đánh giá.
- Hội đồng tiến hành bỏ phiếu đánh giá chương trình đào tạo. Ủy viên Thư ký phát phiếu, từng thành viên Hội đồng ghi đánh giá vào mẫu phiếu được phát và bỏ phiếu.

Số phiếu phát ra:

Số phiếu đạt yêu cầu:

Số phiếu thu vào:

Số phiếu không đạt yêu cầu:

7. Hội đồng tiến hành biểu quyết lấy ý kiến về đề án và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế để thực hiện chương trình đào tạo (Điều kiện về tên ngành đào tạo, Điều kiện về chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo, Điều kiện về đội ngũ giảng viên, Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện; Khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy-học trực tuyến và công tác tổ chức quản lý đối với ngành đào tạo).

Kết quả biểu quyết:/..... đồng ý thông qua
...../..... không đồng ý thông qua

8. Ý kiến của đơn vị đào tạo (nếu có)

.....
.....
.....
.....

4. Kết luận của Hội đồng

Hội đồng đã tổ chức thẩm định đề án mở ngành đào tạo.....và chương trình đào tạo.....trình độ.....và các điều kiện đối với ngành đề xuất mở của Trường Đại học Thương mại, kết quả như sau:

- Đồng ý thông qua đề án mở ngành và chương trình đào tạo
- Không đồng ý thông qua đề án mở ngành và chương trình đào tạo

Một số nội dung cần chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng (nếu có):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Kết luận:

Trường có đủ điều kiện/không đủ điều kiện ban hành chương trình đào tạo.....
và đủ điều kiện/không đủ điều kiện để mở ngành đào tạo.....trình độ.....đảm
bảo đáp ứng theo các quy định của Trường Đại học Thương mại, Bộ Giáo dục và Đào
tạo và các quy định hiện hành của pháp luật.

Phiên họp kết thúc vào hồi

Thư ký Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....TRÌNH ĐỘ**

Tên chương trình đào tạo:

Ngành:

Mã số:

Trình độ đào tạo:

Hôm nay, vào lúc ngày tháng năm, tại trường Đại học Thương mại, Hội đồng thẩm chương trình đào tạo trình độ đã họp, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định:

1		Chủ tịch
2		Phản biện 1
3		Phản biện 2
4		Ủy viên
5		Ủy viên Thư ký

Có mặt:

Vắng mặt:

II. Nội dung

- Ủy viên Thư ký đọc quyết định thành lập Hội đồng.
- Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do, mục đích và thông nhất các yêu cầu, tiêu chí thẩm định.
- Trưởng đơn vị có CTĐT được thẩm định thay mặt Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo..... báo cáo các nội dung cơ bản của chương trình đào tạo.
- Các thành viên Hội đồng nhận xét góp ý.
- Hội đồng thảo luận, thống nhất đánh giá.
- Hội đồng tiến hành bỏ phiếu đánh giá chương trình đào tạo. UV Thư ký phát phiếu, từng thành viên Hội đồng ghi đánh giá vào mẫu phiếu được phát và bỏ phiếu.

Số phiếu phát ra:

Số phiếu thu vào:

Số phiếu đạt:

Số phiếu không đạt:

- Ý kiến của đơn vị đào tạo (nếu có)

4. Kết luận của Hội đồng

Hội đồng đã tổ chức thẩm định chương trình đào tạo.....trình độ
của Trường Đại học Thương mại, kết quả như sau:

- Đồng ý thông qua chương trình đào tạo
 - Không đồng ý thông qua chương trình đào tạo

Một số nội dung cần chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng (nếu có):

Kết luận:

Trường có đủ điều kiện/không đủ điều kiện ban hành chương trình đào tạo..... trình độ..... đảm bảo đáp ứng theo các quy định của Trường Đại học Thương mại, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành của pháp luật.

Phiên họp kết thúc vào hồi cùng ngày.

Thư ký Hội đồng

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng

(Ký và ghi rõ ho tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

BẢN NHẬN XÉT CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét:

Trách nhiệm trong Hội đồng thẩm định:

Tên cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định chương trình đào tạo: Trường Đại học Thương mại
Ngành đào tạo: Mã số:

Chương trình đào tạo:

Trình độ đào tạo:

Sau khi đọc toàn bộ hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo, tôi có một số nhận xét như sau:

1. Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Cần làm rõ sự phù hợp và mức độ đáp ứng của CDR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, ngoại ngữ và tin học với yêu cầu tuyển dụng, sử dụng lao động; với yêu cầu của vị trí việc làm và cơ hội phát triển nghề nghiệp)

.....
.....
.....
.....
.....
.....

4. Cấu trúc chương trình đào tạo (Cần làm rõ sự hợp lý của các học phần đưa vào trong CTDT, trong việc sắp xếp các khối kiến thức; tỷ lệ giữa các khối kiến thức, tỷ lệ giữa các học phần tự chọn và bắt buộc trong CTDT; thời lượng của từng học phần)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
5. Thời lượng của chương trình đào tạo (Tổng số tín chỉ của CTĐT có phù hợp với quy định hiện hành hay không)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
6. Nội dung của chương trình đào tạo (Cần làm rõ mức độ đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
7. Đề cương chi tiết của học phần (Cần làm rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo, nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy có phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra mà CTĐT hướng tới hay không)

.....
.....
.....
.....
.....
8. Tính tương thích của chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Cần làm rõ các nội dung và các học phần trong CTĐT có hướng tới chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo hay không)

.....
.....
.....
.....
9. Những ý kiến khác (nếu có)

Kết luận chung (trong đó cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa, những nội dung cần bổ sung chỉnh sửa):

Người nhận xét
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phu lục 10.3 - Mẫu Phiếu thẩm định CTĐT

PHIẾU THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định:

Trách nhiệm trong Hội đồng thẩm định:

Tên cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định chương trình đào tạo: Trường Đại học Thương mại

Tên chương trình đào tạo:

Ngành đào tạo:

Mã số:

Trình độ đào tạo:

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (Đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Căn cứ để xây dựng CTĐT.		
2	Mục tiêu của CTĐT		
3	Cấu trúc CTĐT (cần làm rõ): <ul style="list-style-type: none"> - Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, trong việc sắp xếp các khối kiến thức - Thời lượng của từng học phần 		
4	Thời lượng của CTĐT		
5	Nội dung của CTĐT (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế và xã hội)		
6	Đề cương chi tiết của học phần (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo)		

Những ý kiến khác:

.....

.....

.....

Kết luận chung (*cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa; những nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa*):

Thành viên Hội đồng thẩm định
(ký và ghi rõ họ tên)

Phu lục 10.4 - Mẫu Bản giải trình tiếp thu ý kiến Hội đồng thẩm định

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BẢN GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Chương trình đào tạo:	Tên tiếng Việt (Tên tiếng Anh)
Trình độ đào tạo:	
Ngành đào tạo:	
Mã ngành:	
Chuyên ngành đào tạo:	

Căn cứ vào kết luận của cuộc họp Hội đồng thẩm định, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ ngành..... (chuyên ngành.....) tiếp thu các ý kiến nhận xét, góp ý của Hội đồng thẩm định và đã tiến hành rà soát, bổ sung, sửa chữa một số vấn đề cụ thể như sau:

1. Về nội dung hồ sơ
2. Về chương trình đào tạo

Trên đây là nội dung giải trình về những lĩnh hội bổ sung, sửa chữa theo kết luận của Hội đồng thẩm định và những góp ý, ý kiến trao đổi của các nhà khoa học trong Hội đồng.

TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG

PGS,TS Nguyễn Văn A

Phu lục 11 - Mẫu Lý lịch khoa học của giảng viên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

LÝ LỊCH KHOA HỌC

1. Họ và tên:					
2. Năm sinh:	3. Nam/Nữ:				
4. Học hàm:					
5. Chức vụ công tác:					
6. Địa chỉ nhà riêng:					
7. Cơ quan công tác					
8. Quá trình đào tạo					
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên đề tài luận văn/luận án *	Năm tốt nghiệp	
9. Trình độ ngoại ngữ (mỗi mục để nghị ghi rõ mức độ: Tốt/Khá/TB)					
TT	Tên ngoại ngữ	Nghe	Nói	Đọc	Viết
10. Quá trình công tác					
Thời gian (từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Cơ quan công tác		
11. Các bài báo khoa học được công bố về lĩnh vực ngành đào tạo					
TT	Tên bài báo	Tác giả hoặc đồng tác giả	Nơi công bố (tên tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học đã đăng)	Năm công bố	
12. Giáo trình/sách tham khảo/chuyên khảo					
TT	Tên sách	Chủ biên hoặc thành viên	Năm/ Nhà xuất bản		

13. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN			
Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN các cấp	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Chủ nhiệm/ Thư ký/ Thành viên	Tình trạng
14. Kinh nghiệm về giảng dạy			

Tôi xác nhận những thông tin được ghi ở trên là hoàn toàn chính xác.

Hà Nội, ngày tháng năm

Xác nhận của Trường Đại học Thương mại

Người khai ký tên

*Lưu ý: - Giảng viên có thể sử dụng Lí lịch khoa học hàng năm theo mẫu kê khai của Trường
 - Nếu giảng viên có chuyên môn không đúng ngành được mở mới, kê khai mục * Tên
 luận văn, luận án ở mục 8 theo mẫu.

Phu lục 12. Mẫu Phiếu tự đánh giá điều kiện xây dựng CTĐT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

**PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Chương trình đào tạo:	Tên tiếng Việt (Tên tiếng Anh)
Trình độ đào tạo:	
Ngành đào tạo:	
Mã ngành:	
Chuyên ngành đào tạo:	

STT	Điều kiện xây dựng chương trình đào tạo theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/ Không đáp ứng
1	Sự cần thiết xây dựng chương trình đào tạo: 1.1. Phân tích, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia 1.2. Kế hoạch phát triển trường (Quyết nghị của Hội đồng trường thông qua việc xây dựng CTĐT) 1.3. Quyết định phân công đơn vị chủ trì xây dựng đề án xây dựng CTĐT		
2	Đội ngũ giảng viên: 2.1. Tổng số giảng viên cơ hữu và tỷ lệ % giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT 2.2. Giảng viên cơ hữu - Tổng số thạc sĩ cùng ngành, ngành gần: - Số tiến sĩ cùng ngành: - Số thạc sĩ cùng ngành: 2.3. Lý lịch khoa học của các giảng viên cơ hữu là điều kiện chủ trì và thực hiện CTĐT		

STT	Điều kiện xây dựng chương trình đào tạo theo quy định	Điều kiện thực tế, minh chứng thể hiện trong hồ sơ	Đáp ứng/ Không đáp ứng
	2.4. Giảng viên thỉnh giảng		
3	Cơ sở vật chất		
	3.1. Phòng học, phòng thực hành		
	3.2. Thư viện, thư viện điện tử		
	3.3. Hoạt động Website của cơ sở đào tạo		
4	Chương trình đào tạo		
	4.1. Tóm tắt chương trình đào tạo		
	4.2. Quyết định ban hành chương trình đào tạo		
	4.3. Kế hoạch tổ chức đào tạo		
5	Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế		
	5.1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định		
	5.2. Biên bản Hội đồng thẩm định		
	5.3. Giải trình của cơ sở đào tạo theo góp ý của Hội đồng thẩm định		

Kết luận của cơ sở đào tạo: Đáp ứng đầy đủ điều kiện xây dựng chương trình đào tạo theo quy định.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Hà Nội, ngày tháng năm 20..

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở:

Mã ngành:

Trình độ đào tạo:

1. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên có híru, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo ngành trình độ của Trường Đại học Thương mại

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu;	Chức danh	Trình độ, nước, năm tốt nghề	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghề	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến	Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đă công bố: cấp	Ký tên		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
2												
...												

Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo ngành trình độ của Trường Đại học Thương mại

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ					Giảng viên
				Bắt buộc	Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học tiếp tiếp	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
1									
2									
...									

**Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa
đối với ngành trình độ của Trường Đại học Thương mại**

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1				
2				
...				

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành
 trình độ của Trường Đại học Thương mại

(ghi tên các công trình tiêu biểu liên quan đến ngành đào tạo theo từng giảng viên)

Số STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đè tai cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu đề tài)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phản/môn học được phân công)	Ghi chú
1									
2									
...									

Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành
 trình độ của Trường Đại học Thương mại trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo
 (ghi tên các công trình tiêu biểu liên quan đến ngành đào tạo theo từng giảng viên)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1		
2		
...		

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo
trình độ của Trường Đại học Thương mại

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1						
2				-	-	
...						

Mẫu 7: Thư viện

(ghi tên các công trình tiêu biểu liên quan đến ngành đào tạo theo từng giảng viên)

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.							
2.							
...							

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực hành, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo trình độ đại học

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập						Tên học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị	sử dụng thiết bị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
1									
2									
...									

Đại diện trường các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai (theo từng mẫu trên)
(Ký tên xác nhận)

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20..

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thịnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến	Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp Ký tên	
									Bộ	Cơ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										
3										
4										
5										

Ghi chú: Có minh chứng kèm theo (bằng cấp, hợp đồng và quyết định tuyển dụng, minh chứng về công trình khoa học liên quan đến ngành đào tạo...)

Phu lục 15 – Mẫu Thống kê danh sách giảng viên chủ trì CTĐT và chủ trì các thành phần trong CTĐT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

**THỐNG KÊ DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CHỦ TRÌ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHỦ TRÌ CÁC THÀNH PHẦN
TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Ngành đào tạo:

Trình độ đào tạo: Đại học

Chương trình đào tạo:

Người chủ trì CTĐT:

STT	Khối kiến thức và các học phần	Số TC	Giảng viên
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		Giảng viên chủ trì thành phần:
1.1.	Các học phần bắt buộc		
1.2.	Các học phần tự chọn		
1.3.	Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh		
1.3.1	Giáo dục thể chất		
1.3.2	Giáo dục quốc phòng – an ninh		
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành		Giảng viên chủ trì thành phần:
2.1.1.	Các học phần bắt buộc		
2.1.2.	Các học phần tự chọn		
2.2.	Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)		Giảng viên chủ trì thành phần:
2.2.1.	Các học phần bắt buộc		
2.2.2.	Các học phần tự chọn		
2.3.	Kiến thức bổ trợ		Giảng viên chủ trì thành phần:
2.3.1.	Các học phần bắt buộc		
2.3.2.	Các học phần tự chọn		
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp		Giảng viên chủ trì thành phần:

	khóa học		
2.4.1	<i>Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp/Thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm</i>		
2.4.2	<i>Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp/Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp/Thực tập và viết Đề án tốt nghiệp</i>		

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phu lục 16.1 - Mẫu Tờ trình đề nghị mở ngành đào tạo (đối với ngành đào tạo do Trường tư chủ mở ngành)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
KHOA/VIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị mở ngành đào tạo.....
trình độ.....

Kính gửi: Ban Giám hiệu Trường Đại học Thương mại

Căn cứ vào các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Trường và các quy định pháp luật có liên quan về quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, Khoa/Việnxin báo cáo tóm tắt quá trình xây dựng đề án và điều kiện đáp ứng theo quy định để mở ngành đào tạo.....trình độ....., cụ thể như sau:

1. Tóm tắt quá trình xây dựng đề án:

Nêu tóm tắt quá trình xây dựng đề án mở ngành.

2. Điều kiện đáp ứng theo quy định để mở ngành đào tạo:

- Báo cáo khẳng định việc đảm bảo đủ các điều kiện quy định để được mở ngành đào tạo.....

- Nêu rõ đề án mở ngành đào tạo đã được Hội đồng thẩm định đề án mở ngành, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường và Hội đồng Trường thông qua (có biên bản kèm theo).

Khoa/Viện.....kính đề nghị Ban giám hiệu xem xét và ra quyết định mở ngành đào tạo.....trình độ.....

Xin trân trọng cảm ơn!

TRƯỜNG KHOA/VIỆN TRƯỜNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phu lục 16.2 - Mẫu Công văn đề nghị mở ngành đào tạo (đối với ngành đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định mở ngành)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
Số:/CV-ĐHTM
V/v: Đề nghị mở ngành đào tạo.....
trình độ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: Vụ Giáo dục Đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ vào các Thông tư 02/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, Trường Đại học Thương mại xin báo cáo tóm tắt quá trình xây dựng đề án và điều kiện đáp ứng theo quy định để mở ngành đào tạo.....trình độ....., cụ thể như sau:

1. Tóm tắt quá trình xây dựng đề án:

Nêu tóm tắt quá trình xây dựng đề án mở ngành.

2. Điều kiện đáp ứng theo quy định để mở ngành đào tạo:

- Báo cáo khẳng định việc đảm bảo đủ các điều kiện quy định để được mở ngành đào tạo.....

- Nêu rõ đề án mở ngành đào tạo đã được Hội đồng thẩm định đề án mở ngành mở ngành, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường và Hội đồng Trường thông qua (có biên bản kèm theo).

Trường Đại học Thương mại.....kính đề nghị Quý Vụ xem xét và ra quyết định mở ngành đào tạo.....trình độ.....

Xin trân trọng cảm ơn!

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, QLĐT/QLSDH.